

## **Mục lục**

<b>Lời mở đầu .....</b>	<b>1</b>
<b>Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp sản xuất.....</b>	<b>2</b>
1.1.Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp.....	2
1.1.1.Khái niệm, đặc điểm nguyên vật liệu.....	2
1.1.2.Vị trí, vai trò nguyên vật liệu .....	3
1.1.3.Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ hạch toán nguyên vật liệu.....	3
1.1.4.Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu.....	4
1.1.4.1.Phân loại nguyên vật liệu .....	4
1.1.4.2.Đánh giá nguyên vật liệu.....	5
1.2.Hạch toán nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp.....	11
1.2.1.Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	11
1.2.2.Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu .....	16
1.2.2.1.Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên .....	16
1.2.2.2.Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ .....	20
1.2.3.Các hình thức tổ chức sổ kế toán .....	22
<b>Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131.....</b>	<b>26</b>
2.1.Tổng quan về xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 .....	26
2.1.1.Lịch sử hình thành và phát triển.....	26
2.1.2.Lĩnh vực hoạt động .....	27
2.1.3.Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của xí nghiệp .....	27
2.1.3.1.Sơ đồ bộ máy quản lý của xí nghiệp .....	27
2.1.3.2.Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban .....	28
2.1.4.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 .....	31
2.1.4.1.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán .....	31
2.1.4.2.Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại xí nghiệp.....	32
2.1.5.Phương hướng nhiệm vụ năm 2008.....	33
2.2.Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp .....	34
2.2.1.Đặc điểm, phân loại và công tác quản lý nguyên vật liệu .....	34

2.2.1.1.Đặc điểm nguyên vật liệu.....	34
2.2.1.2.Phân loại nguyên vật liệu .....	35
2.2.1.3.Công tác quản lý nguyên vật liệu.....	35
2.2.2.Đánh giá nguyên vật liệu.....	36
2.2.2.1.Nguyên vật liệu nhập kho .....	36
2.2.2.2.Nguyên vật liệu xuất kho .....	40
2.2.3.Thủ tục nhập, xuất nguyên vật liệu .....	41
2.2.3.1.Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu.....	41
2.2.3.2.Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu.....	46
2.2.4.Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại xí nghiệp .....	49
2.2.5.Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại xí nghiệp .....	55
2.2.5.1.Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu .....	56
2.2.5.2.Kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu .....	58
<b>Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 .....</b>	<b>60</b>
3.1.Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu.....	60
3.1.1.Uưu điểm .....	60
3.1.2.Những tồn tại.....	62
3.1.3.Nguyên nhân của những tồn tại .....	62
3.2.Một số ý kiến nhằm hoàn thiện nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp .....	63
3.2.1.Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu .....	63
3.2.2.Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện.....	63
3.2.2.1.Yêu cầu.....	63
3.2.2.2.Nguyên tắc.....	64
3.2.3.Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu ...	64
3.2.4.Điều kiện thực hiện các giải pháp .....	72
3.2.4.1.Đối với Nhà nước .....	72
3.2.4.2.Đối với xí nghiệp.....	72
3.2.4.3.Điều kiện khác.....	73
Kết luận .....	74
Danh mục tài liệu tham khảo .....	75

## **Lời mở đầu**

Nền kinh tế thị trường đã mang lại cơ hội thách thức cho các doanh nghiệp đồng thời mang lại những lợi ích cho người tiêu dùng. Các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển được thì đòi hỏi phải có khả năng nắm bắt nhu cầu thị trường. Việc quản lý, sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu chính là một trong những biện pháp để có thể giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp. Muốn vậy, doanh nghiệp phải áp dụng tổng hợp các biện pháp, trong đó quan trọng hàng đầu là tổ chức công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu.

Sau một thời gian tìm hiểu thực tế sản xuất kinh doanh tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131, em đã được tiếp cận với mô hình tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất và bộ máy kế toán của xí nghiệp, em nhận thấy sự quan trọng của kế toán nguyên vật liệu trong toàn bộ công tác kế toán nên em chọn đề tài khóa luận tốt nghiệp là: “Hoàn thiện tổ chức công tác hạch toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131”.

Nội dung kết cấu của khóa luận gồm 3 chương:

**Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.**

**Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131**

**Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131**

Vì thời gian và trình độ có hạn nên bài khóa luận này không thể tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Em rất mong được sự góp ý của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Ths. Phạm Thị Nga cùng sự giúp đỡ, chỉ bảo của ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên phòng tài chính – kế toán xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài viết này.

Em xin chân thành cảm ơn!

## **CHƯƠNG 1**

### **LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**

#### **1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp**

##### **1.1.1. Khái niệm, đặc điểm nguyên vật liệu:**

\*Khái niệm nguyên vật liệu:

Theo chuẩn mực kế toán số 02 thì hàng tồn kho là những tài sản:

-Được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường

-Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang

-Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ

Nguyên vật liệu: là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản xuất sản phẩm.

\*Đặc điểm nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp mang những đặc điểm sau:

-Tham gia vào một chu kỳ sản xuất

-Thay đổi hình dáng ban đầu sau quá trình sử dụng

-Chuyển toàn bộ giá trị vào sản phẩm được sản xuất ra

Thông thường trong cấu tạo của giá thành sản phẩm thì chi phí về nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn nên việc sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích và đúng kế hoạch nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Nguyên vật liệu chiếm vị trí hết sức quan trọng bởi nó là đối tượng lao động và là 1 trong 3 yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cầu thành lên thực thể sản phẩm.

### **1.1.2. Vị trí, vai trò nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh:**

Đối với các doanh nghiệp sản xuất thì nguyên vật liệu là đối tượng không thể thiếu, nó giữ vai trò quyết định trong quá trình sản xuất sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số chi phí sản xuất sản phẩm và có ảnh hưởng không nhỏ tới sự biến động của giá thành. Do vậy phải đảm bảo cho công việc cung cấp nguyên vật liệu đầy đủ, kịp thời cả về số lượng và chất lượng thì việc sản xuất mới trôi chảy, không bị gián đoạn, sản phẩm sản xuất ra mới được hình thành đúng tiến độ kế hoạch và bảo đảm chất lượng tốt nhất.

### **1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ hạch toán nguyên vật liệu**

\*Yêu cầu quản lý:

Xuất phát từ đặc điểm của nguyên vật liệu mà công tác quản lý nguyên vật liệu trong mỗi doanh nghiệp luôn được đặt lên hàng đầu. Có làm tốt công tác này thì mới đạt được mục tiêu của doanh nghiệp là: giảm thiểu chi phí, nâng cao lợi nhuận mà vẫn đạt được những yêu cầu về chất lượng. Để đảm bảo công tác hạch toán được chính xác đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, bảo quản tới khâu dự trữ và sử dụng.

**-Ở khâu thu mua:** phải quản lý tốt về số lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, giá mua, chi phí thu mua đồng thời phải bảo đảm kế hoạch thu mua theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh.

**-Ở khâu bảo quản:** phải tổ chức tốt kho hàng, bến bãi, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại vật liệu tránh hư hỏng, mất mát, hao hụt, đảm bảo an toàn chất lượng cho nguyên vật liệu.

**-Ở khâu sử dụng:** phải sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả trên cơ sở các định mức, dự toán chi phí, phân đầu hạ mức tiêu hao vật tư trong sản xuất tiến tới hạ thấp giá thành sản phẩm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

**-Ở khâu dự trữ:** đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu cho từng loại vật tư đảm bảo quá trình sản xuất được tiến hành liên tục, đồng thời tránh ứ đọng vốn do dự trữ quá lớn.

**-Ở khâu giám sát:** giám sát, kiểm tra việc bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu, kiểm tra việc tuân thủ các quy định mức tiêu hao trong việc sử dụng vật liệu sản xuất.

\*Nhiệm vụ của việc hạch toán nguyên vật liệu:

Để đảm bảo công tác quản lý, kế toán nguyên vật liệu cần thực hiện tốt các mục sau:

-Tổ chức ghi chép, phản ánh số liệu về tình hình nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu đầy đủ, kịp thời, chính xác số liệu hiện có.

-Tổ chức luân chuyển chứng từ, ghi chép sổ sách, sử dụng tài khoản phù hợp với phương pháp hàng tồn kho của doanh nghiệp. Thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán ban đầu về nguyên vật liệu, mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết theo đúng chế độ hiện hành.

-Tính giá vật liệu theo đúng chế độ quy định và phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp.

-Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về mua vật liệu, hàng hóa sử dụng vật tư cho sản xuất và kế hoạch bán hàng.

-Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện đúng các quy định mức dự trữ vật liệu, phát hiện kịp thời các vật liệu ứ đọng, kém phẩm chất, chưa cần dùng và có biện pháp giải phóng để thu hồi vốn nhanh chóng, hạn chế các thiệt hại

#### **1.1.4. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu**

##### **1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu:**

Nguyên vật liệu sử dụng trong doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, có công dụng khác nhau, được sử dụng ở nhiều bộ phận khác nhau. Mỗi loại có vai trò, công dụng, tính chất lý, hóa học khác nhau đối với quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm. Do vậy để thống nhất trong công tác quản lý nguyên vật liệu, kế toán tiến hành phân loại chúng theo những tiêu thức sau:

➤ Căn cứ vào vai trò, công dụng của nguyên vật liệu: nguyên vật liệu được chia thành:

-Nguyên liệu, vật liệu chính: là đối tượng cấu thành nên thực thể sản phẩm. Các doanh nghiệp khác nhau thì sử dụng nguyên vật liệu chính không giống nhau.

-Nguyên liệu, vật liệu phụ: là những loại vật liệu khi sử dụng chỉ có tác dụng phụ có thể làm tăng chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc đảm bảo cho các công cụ, dụng cụ hoạt động bình thường.

-Nhiên liệu: là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

-Phụ tùng thay thế: là các loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn.

-Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: gồm những loại vật liệu, thiết bị, công cụ, vật kết cấu dùng cho công tác xây dựng cơ bản.

Cách phân loại này là cơ sở để xác định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu đồng thời cũng là cơ sở để tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

➤ Căn cứ vào nguồn hình thành: nguyên vật liệu được chia thành

-Nguyên vật liệu nhập từ bên ngoài: do mua ngoài, nhận vốn góp liên doanh, nhận biếu tặng.

-Nguyên vật liệu tự chế: do doanh nghiệp tự sản xuất

Cách phân loại này làm căn cứ cho việc lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất, là cơ sở để xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho.

➤ Căn cứ vào mục đích sử dụng: nguyên vật liệu được chia thành

-Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh

+Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm

+Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận giao bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.

-Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:

+Nhượng bán

+Đem góp vốn liên doanh

+Đem biếu tặng

### **1.1.4.2.Đánh giá nguyên vật liệu**

1.1.4.2.1.Các nguyên tắc chi phối đến đánh giá nguyên vật liệu:

Đánh giá nguyên vật liệu là dùng thước đo tiền tệ biểu hiện giá trị của chúng theo những nguyên tắc nhất định. Có 3 nguyên tắc chi phối đến việc đánh giá nguyên vật liệu.

**-Nguyên tắc giá gốc** (còn gọi là giá phí, giá thành, giá lịch sử)

Tất cả các tài sản và hàng tồn kho ở doanh nghiệp được phản ánh trong sổ kế toán và báo cáo tài chính được ghi chép theo giá gốc. Giá gốc bao gồm tất cả các chi phí bình thường và hợp lý mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản và sẵn sàng đưa vào sử dụng.

**-Nguyên tắc nhất quán:**

Nguyên tắc này đòi hỏi doanh nghiệp phải sử dụng phương pháp kế toán thống nhất trong suốt niên độ kế toán.

**-Nguyên tắc thận trọng:**

Nguyên tắc này đòi hỏi doanh nghiệp phải phản ánh đúng giá trị tài sản, các nghiệp vụ làm tăng doanh thu và tăng vốn chỉ được ghi khi có chứng cứ chắc chắn (có chứng từ), chi phí và các khoản làm giảm doanh thu, vốn chủ sở hữu phải được ghi chép ngay dù chưa có chứng từ chắc chắn. Dù trên bảng cân đối kế toán, hàng tồn kho phải được phản ánh theo giá trị có thể thực hiện được của nguyên vật liệu giảm do vật liệu bị hư hỏng, kém hoặc mất phẩm chất...thì đơn vị phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

1.1.4.2.2.Đánh giá nguyên vật liệu:

Việc đánh giá nguyên vật liệu phụ thuộc vào phương pháp quản lý và hạch toán vật liệu được áp dụng ở mỗi doanh nghiệp: phương pháp kê khai thường xuyên hoặc phương pháp kê khai định kỳ.

$$\begin{array}{ccccccc} \textit{Trị giá vật} & & \textit{Trị giá vật} & & \textit{Trị giá vật} & & \textit{Trị giá vật} \\ \textit{liệu xuất} & = & \textit{liệu tồn đầu} & + & \textit{liệu nhập} & - & \textit{liệu tồn} \\ \textit{trong kỳ} & & \textit{kỳ} & & \textit{trong kỳ} & & \textit{cuối kỳ} \end{array}$$

Có nhiều cách đánh giá nguyên vật liệu nhập, xuất nhưng có thể chia ra thành 2 phương pháp chính là:

-Đánh giá nguyên vật liệu theo trị giá vốn thực tế

-Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán



**① Đánh giá nguyên vật liệu theo trị giá vốn thực tế**

**\*Xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho:**

➤ Nhập kho vật liệu do mua ngoài:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{thực tế của} \\ \text{NVL nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{(ghi trên} \\ \text{hóa đơn)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các loại} \\ \text{thuế không} \\ \text{được hoàn} \\ \text{lại} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chiết khấu} \\ \text{TM, giảm giá} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Trong đó:

-Chi phí thu mua bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm, chi phí thuê kho bãi, tiền phạt, chi phí mở L/C và các chi phí dịch vụ ngân hàng cho các thương vụ mua NVL từ các nguồn nhập khẩu hay trong nước.

-Giá mua được xác định theo 2 trường hợp:

+Đối với cơ sở SXKD thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá NVL mua vào là giá mua thực tế không bao gồm thuế GTGT đầu vào

+Đối với cơ sở SXKD thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và cơ sở SXKD không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì giá trị vật liệu mua vào là tổng giá thanh toán phải trả cho người bán (bao gồm cả thuế GTGT đầu vào)

➤ Đối với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công, chế biến:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{thực tế NVL} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực} \\ \text{tế NVL xuất gia} \\ \text{công, chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí gia} \\ \text{công, chế biến} \end{array}$$

➤ Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{thực tế NVL} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế} \\ \text{NVL xuất thuê} \\ \text{ngoài gia công} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc dỡ,} \\ \text{thuê kho} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí phải trả} \\ \text{cho bên nhận} \\ \text{gia công} \end{array}$$

➤ Đối với nguyên vật liệu nhận từ vốn góp liên doanh:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{thực tế NVL} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{góp do hội đồng} \\ \text{liên doanh đánh} \\ \text{giá} \end{array}$$

➤ Đối với nguyên vật liệu do ngân sách và cấp trên cấp:

$$\begin{array}{ccc} \text{Trị giá vốn} & = & \text{Giá thỏa} & \text{Chi phí} \\ \text{thực tế NVL} & & \text{thuận cấp (lấy} & \text{khác (nếu có)} \\ \text{nhập kho} & & \text{trong biên bản} & \\ & & \text{cấp)} & \end{array}$$

➤ Nhập kho vật liệu do vay mượn tạm thời của các đơn vị khác, do được tặng thưởng:

$$\begin{array}{ccc} \text{Trị giá} & \text{Giá thực tế} & \\ \text{vốn thực tế} & \text{tương đương trên thị} & \text{Chi phí} \\ \text{NVL nhập kho} & \text{trường của NVL} & \text{khác (nếu có)} \\ & \text{nhập kho} & \end{array}$$

➤ Nhập kho vật liệu từ nguồn thu hồi sau sử dụng (phế liệu):

$$\begin{array}{ccc} \text{Trị giá vốn} & \text{Giá cước} & \\ \text{thực tế NVL} & \text{tính (nếu giá trị} & \\ \text{nhập kho} & \text{nhỏ)} & \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Trị giá vốn thực tế} & = & \text{Giá thực tế tương} \\ \text{của NVL nhập} & & \text{đương trên thị trường} \\ \text{kho} & & \text{(nếu giá trị nhỏ)} \end{array}$$

**\*Xác định trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho:**

➤ **Phương pháp đích danh:**

Phương pháp này đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý, theo dõi nguyên vật liệu theo từng lô hàng. Khi xuất kho, nguyên vật liệu thuộc lô hàng nào thì căn cứ vào số lượng xuất kho và đơn giá nhập kho thực tế của lô hàng đó để tính ra giá trị thực tế xuất kho.

Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng, các loại mặt hàng ổn định và có tính tách biệt cao.

➤ **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này, trước hết phải xác định được đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết nguyên vật liệu nào nhập kho trước thì xuất trước, nguyên vật liệu nào nhập sau thì sẽ xuất sau. Vì vậy nguyên vật liệu xuất kho trong lần nhập nào thì sẽ tính theo giá thực tế của lần nhập đó.

Phương pháp này có ưu điểm là khi giá cả vật liệu có xu hướng tăng thì áp dụng phương pháp này doanh nghiệp có mức lãi nhiều hơn so với các phương pháp khác.

Tuy nhiên phương pháp này có nhược điểm là doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại và mức dư tồn nguyên vật liệu sẽ lớn.

➤ **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**

Theo phương pháp này, trước hết ta cũng phải xác định được đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết nguyên vật liệu nào nhập kho sau thì xuất trước, ngược lại so với phương pháp FIFO.

Ưu điểm của phương pháp này là những khoản doanh thu hiện tại được phù hợp với những chi phí hiện tại.

Tuy nhiên với xu hướng giá cả thị trường ngày càng tăng thì việc áp dụng phương pháp này giúp doanh nghiệp tránh được rủi ro về vốn do mức dự trữ bình quân nguyên vật liệu cuối kỳ thường thấp.

➤ **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp này, giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho được căn cứ vào số lượng xuất kho trong kỳ và đơn giá bình quân.

$$\begin{aligned} & \text{Đơn giá} \\ & \text{bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập kho trong kỳ}} \\ \\ & \text{Trị giá vốn thực tế NVL xuất kho} = \text{Đơn giá bình quân} * \text{Số lượng NVL xuất kho trong kỳ} \end{aligned}$$

Việc tính đơn giá bình quân có thể tính cho từng tháng, từng quý hay cả kỳ.

Ngoài ra ta cũng có thể tính đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập kho gọi là đơn giá bình quân liên hoàn.

$$\begin{aligned} & \text{Đơn giá} \\ & \text{bình quân} \\ & \text{liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn trước khi nhập} + \text{Trị giá NVL nhập kho}}{\text{Số lượng NVL tồn trước khi nhập} + \text{Số lượng NVL nhập kho}} \end{aligned}$$

-Ưu điểm: phương pháp này đơn giản, dễ làm

-Nhược điểm: theo phương pháp này thì chỉ đến cuối kỳ mới xác định được đơn giá bình quân gia quyền vì vậy ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán.

Với phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn phần nào làm cho việc tính giá vật liệu xuất kho trở lên khó khăn hơn, tạo ra những thủ tục rườm rà trong quá trình luân chuyển nguyên vật liệu.

Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư, hàng hóa khi nhập kho.

### ②Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán:

Giá hạch toán là giá quy định thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp và được sử dụng ổn định trong một thời gian dài, giá hạch toán của nguyên vật liệu có thể là giá mua thực tế, giá kế hoạch, giá bán buôn...

Giá hạch toán được sử dụng để hạch toán chi tiết hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, làm giảm nhẹ công tác tính toán và tăng cường công tác kiểm tra của kế toán trong khâu thu mua, vận chuyển, bảo quản khi sử dụng giá hạch toán để hạch toán chi tiết hàng ngày thì cuối kỳ phải tính chuyển giá hạch toán thành giá thực tế để ghi sổ kế toán tổng hợp. Việc tính chuyển được tiến hành như sau:

➤Xác định hệ số giá giữa thực tế và giá hạch toán của nguyên vật liệu:

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số giá} \\ (H) \end{array} = \frac{\text{Trị giá thực tế của NVL tồn đầu kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán của NVL tồn đầu kỳ}} + \frac{\text{Trị giá thực tế của NVL nhập trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán của NVL nhập trong kỳ}}$$

➤Sau đó tính trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực} \\ \text{tế của NVL xuất} \\ \text{kho trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Hệ số giá} \\ (H) \end{array} * \begin{array}{l} \text{Trị giá hạch toán} \\ \text{của NVL xuất kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

Hệ số giá nguyên vật liệu có thể tính theo từng nhóm hay từng thứ vật liệu và việc áp dụng phương pháp tính toán cần phải nhất quán trong các niên độ kế toán.

-Ưu điểm: phản ánh kịp thời biến động của giá trị các loại nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh, giảm nhẹ công tác tính toán đặc biệt đối với doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu.

-Nhược điểm: việc sử dụng giá hạch toán để phản ánh vật liệu chỉ được dùng trong hạch toán chi tiết vật liệu và chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

-Điều kiện áp dụng: phương pháp này thường được áp dụng trong doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật liệu, giá cả luôn luôn biến động, việc nhập, xuất kho diễn ra thường xuyên.

## **1.2.Hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp**

### **1.2.1.Kế toán chi tiết nguyên vật liệu**

\*Chứng từ sử dụng:

Hệ thống chứng từ kế toán về nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 20/3/2006.

Các chứng từ kế toán phải được lập kịp thời theo đúng quy định của nhà nước. Tổ chức hệ thống chứng từ cần tuân thủ các quy định về mẫu của Bộ tài chính, thời gian lập, trình tự luân chuyển phải đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin cho người quản lý nguyên vật liệu, bảo đảm sự an toàn cho chứng từ, cập nhật vào sổ kế toán đầy đủ, kịp thời tránh sự trùng lặp hoặc luân chuyển chứng từ qua những khâu không cần thiết và phải giảm thời gian luân chuyển chứng từ tới mức thấp nhất.

\*Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu:

Việc quản lý tình hình nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu được thực hiện chủ yếu của các bộ phận kho và phòng kế toán. Trên cơ sở các chứng từ kế toán về nhập – xuất nguyên vật liệu, thủ kho và kế toán nguyên vật liệu tiến hành hạch toán kịp thời và chính xác tình hình nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu hàng ngày theo từng loại vật liệu.

Để hạn chế sự ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán thì kế toán doanh nghiệp cần phải lựa chọn phương pháp hạch toán chi tiết phù hợp với yêu cầu và trình độ của đội ngũ kế toán trong doanh nghiệp. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu có thể tiến hành theo các phương pháp sau:

### **① Phương pháp ghi thẻ song song**

Nội dung của phương pháp ghi thẻ song song:

-Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép, phản ánh hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng nguyên vật liệu theo chỉ tiêu số lượng. Thẻ kho do phòng kế toán lập và lập cho từng loại nguyên vật liệu. Sau khi đã ghi đầy đủ các yếu tố của phần: tên, nhãn hiệu, quy cách, danh điểm, định mức dự trữ... kế toán giao cho thủ kho.

Thẻ kho phải được sắp xếp theo từng loại, từng nhóm và từng thứ để tiện cho việc quản lý.

Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của từng chứng từ rồi thực hiện việc nhập, xuất và ghi số thực nhập, thực xuất vào chứng từ. Cuối ngày, phân loại chứng từ rồi tính ra số tồn kho và ghi vào thẻ kho, lập phiếu giao nhận chứng từ và chuyển cho phòng kế toán.

-Ở phòng kế toán: Kế toán nguyên vật liệu sử dụng sổ chi tiết nguyên vật liệu để ghi chép hàng ngày tình hình nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu theo chỉ tiêu số lượng và số tiền. Sổ chi tiết được mở cho từng loại nguyên vật liệu. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu do thủ kho gửi đến, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ và hoàn chỉnh chứng từ sau đó kế toán phân loại chứng từ và ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu tính ra số tồn kho cuối ngày.

Cuối tháng hay vào một thời điểm nào đó, kế toán và thủ kho tiến hành đối chiếu số liệu trên thẻ kho với sổ chi tiết nguyên vật liệu. Ngoài ra, kế toán chi tiết còn phải lập bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn để đối chiếu với kế toán tổng hợp.

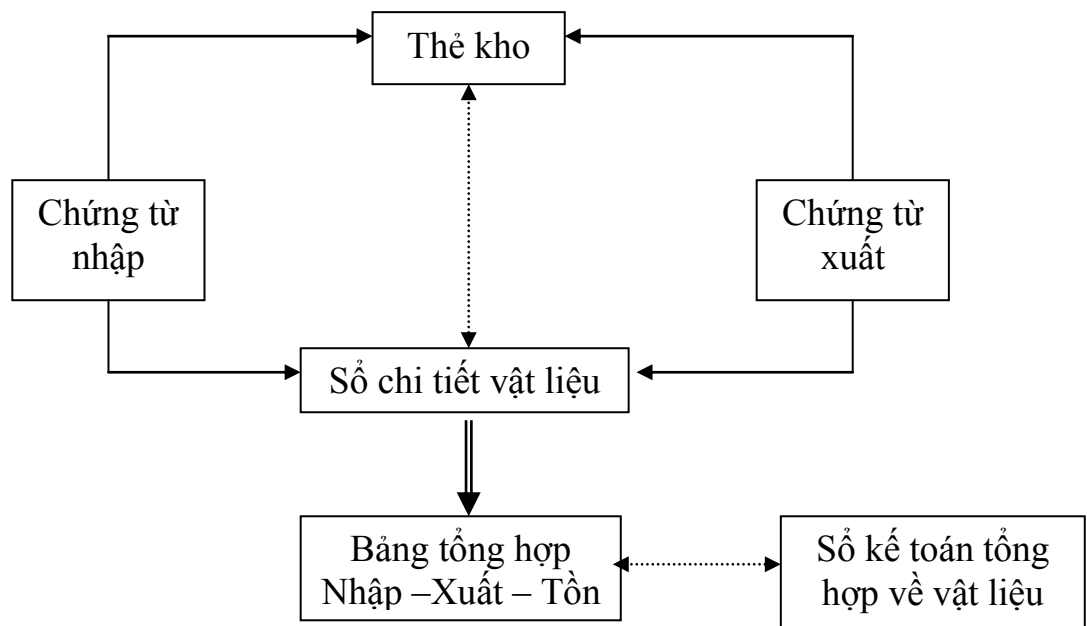
➤Ưu điểm: ghi chép đơn giản, dễ hiểu, dễ kiểm tra, đối chiếu với số liệu và phát hiện sai sót. Đồng thời đảm bảo độ tin cậy cao của thông tin, cung cấp thông tin nhanh.

➤Nhược điểm: ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu, số lượng. Mặt khác, việc kiểm tra đối chiếu thường tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế chức năng của kế toán.

➤Phạm vi áp dụng: đối với doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, khối lượng nghiệp vụ xuất ít, không thường xuyên, trình độ kế toán hạn chế.

**Sơ đồ 1.1:**

*Sơ đồ hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song*



Ghi chú:

.....➔ Ghi hàng ngày

====➔ Ghi cuối tháng

.....➔ Đối chiếu, kiểm tra

**② Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:**

-Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ khi để ghi chép, phản ánh hàng ngày tình hình nhập – xuất – tồn kho của từng thứ vật liệu giống như phương pháp ghi thẻ song song.

-Ở phòng kế toán: kế toán nguyên vật liệu sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép phản ánh tổng hợp số nguyên vật liệu luân chuyển trong tháng và số tồn kho cuối tháng của chỉ tiêu số lượng và số tiền. Sổ đối chiếu luân chuyển được mở và được dùng cho cả năm, mỗi thứ nguyên vật liệu được ghi một dòng trong sổ và ghi một lần trong tháng.

Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi sắp xếp, phân loại chứng theo từng loại. Cuối tháng, tổng hợp số liệu đã ghi trong chứng từ theo chỉ tiêu số lượng và số tiền để ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển (phần nhập – xuất) và tính ra số tồn kho cuối tháng. Số liệu về tình hình nhập – xuất – tồn trong sổ đối chiếu luân chuyển sẽ được đối chiếu với thẻ kho và sổ kế toán tổng hợp.

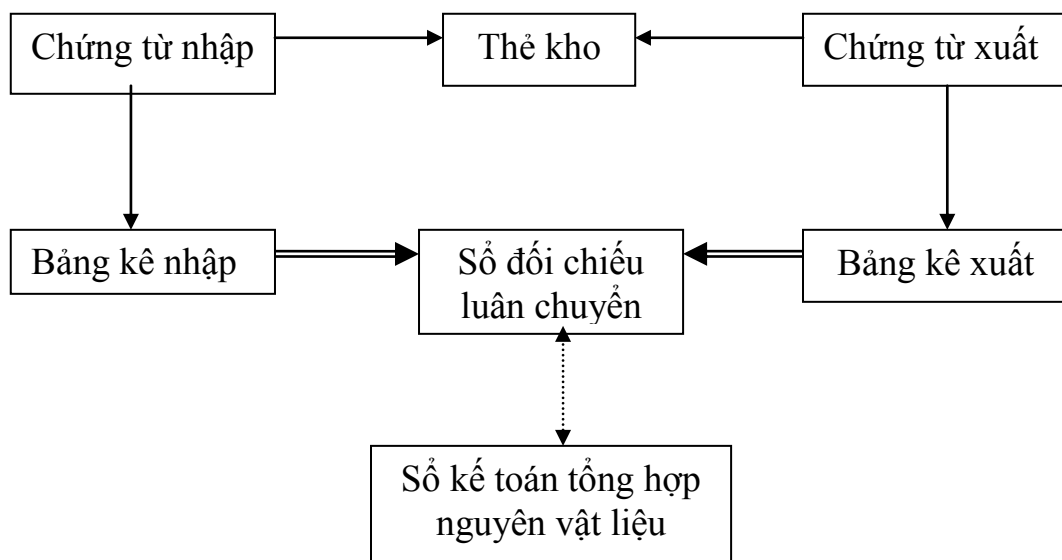
➤Ưu điểm: khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi 1 lần vào cuối kỳ.

➤Nhược điểm: khối lượng ghi chép của kế toán dồn vào cuối kỳ quá nhiều nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của việc cung cấp thông tin. Mặt khác, việc kiểm tra đối chiếu thường tiến hành vào cuối kỳ do vậy hạn chế chức năng của kế toán.

➤Phạm vi áp dụng: phương pháp này áp dụng cho các doanh nghiệp có khối lượng nghiệp vụ nhập – xuất nhiều, chủng loại vật tư nhiều, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.

**Sơ đồ 1.2:**

**Sơ đồ hạch toán chi tiết theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←.....> Đối chiếu, kiểm tra



### **③ Phương pháp sổ số dư:**

Ở kho hạch toán chi tiết theo chỉ tiêu số lượng còn ở phòng kế toán hạch toán chi tiết theo chỉ tiêu giá trị.

-Ở kho: thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép, phản ánh hàng ngày tình hình nhập – xuất – tồn của từng thứ nguyên vật liệu, giống như phương pháp ghi thẻ song song. Đồng thời sử dụng sổ số dư để cuối tháng ghi chuyển số tồn kho của từng thứ nguyên vật liệu từ thẻ kho vào sổ số dư trên cột số lượng. Sổ số dư do kế toán lập được mở cho từng kho và dùng cho cả năm để ghi số tồn kho cuối tháng của từng thứ nguyên vật liệu theo chỉ tiêu số lượng và số tiền, trong đó thủ kho ghi theo chỉ tiêu số lượng còn kế toán ghi cột số tiền (sau khi thủ kho ghi xong cột số lượng thì chuyển cho phòng kế toán).

-Ở phòng kế toán: kế toán nguyên vật liệu dựa vào số lượng nhập – xuất của từng danh điểm nguyên vật liệu được tổng hợp từ các chứng từ nhập, xuất mà kế toán nhận được khi kiểm tra các kho theo định kỳ 3, 5 ngày hoặc 10 ngày 1 lần (kèm theo “Phiếu giao nhận chứng từ”) và giá hạch toán để tính trị giá thành tiền nguyên vật liệu nhập, xuất theo từng danh điểm. Từ đó ghi vào “Bảng lũy kế Nhập – Xuất – Tồn” (bảng này mở theo từng kho). Cuối kỳ tiến hành tính tiền trên sổ số dư do thủ kho chuyển đến và đối chiếu tồn kho từng danh điểm nguyên vật liệu.

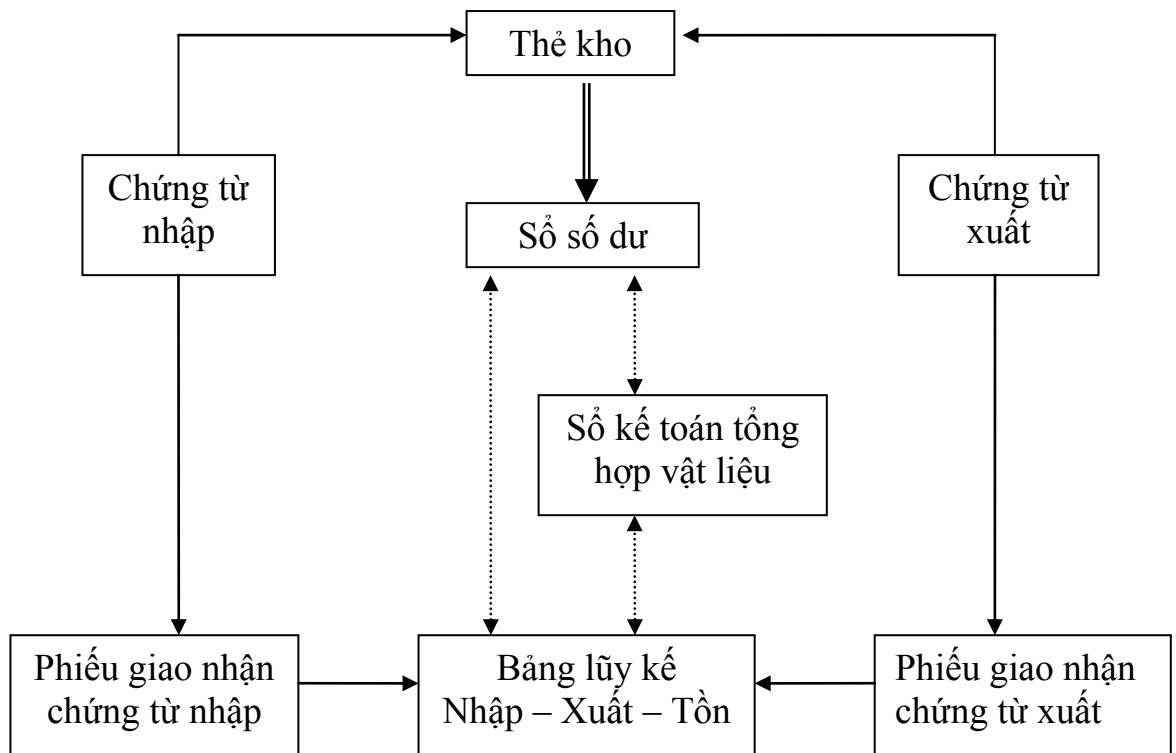
➤Ưu điểm: giảm được khối lượng công việc do kế toán ghi chỉ tiêu giá trị còn thủ kho ghi chỉ tiêu số lượng, công việc của kế toán dàn đều trong tháng, thực hiện được sự kiểm tra giám sát.

➤Nhược điểm: do kế toán chỉ ghi chỉ tiêu giá trị nên không thể biết được số lượng hiện có và tình hình tăng giảm của từng thứ nguyên vật liệu, muốn biết thì phải xem thẻ kho. Việc kiểm tra, phát hiện sai sót nhầm lẫn sẽ gặp nhiều khó khăn do phải kiểm tra chứng từ thì mới phát hiện được.

➤Phạm vi áp dụng: phương pháp này thường được áp dụng cho những doanh nghiệp có khối lượng nghiệp vụ Nhập – Xuất – Tồn thường xuyên, chủng loại nguyên vật liệu nhiều, phải xây dựng hệ thống giá hạch toán để hạch toán nhập, xuất.

Sơ đồ 1.3:

*Sơ đồ hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ số dư*



Ghi chú:

- .....> Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- <.....> Đối chiếu, kiểm tra

**1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp**

**1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên**

**⊙ Đặc điểm của phương pháp kê khai thường xuyên:**

\*Định nghĩa: Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp phản ánh, ghi chép thường xuyên, liên tục có hệ thống tình hình Nhập – Xuất – Tồn kho các loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa....trên các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp dựa trên các chứng từ nhập, xuất. Theo phương pháp này, các tài khoản hàng tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm của các loại hàng tồn kho. Vì vậy, giá trị hàng tồn kho có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào.

\*Ưu, nhược điểm và phạm vi áp dụng:

-Ưu điểm: theo dõi được thường xuyên, liên tục tình hình Nhập – Xuất – Tồn theo các chứng từ nên việc xác định giá vốn của nguyên vật liệu được chính xác.

-Nhược điểm: đối với nguyên vật liệu công kênh, điều kiện cân, đo, đong, đếm không được chính xác thì giá trị sản xuất theo chứng từ kế toán nhiều khi xa rời với giá vốn thực tế làm cho công việc kế toán tốn nhiều công sức, phức tạp, phải điều chỉnh giữa số liệu kiểm kê và số liệu tính toán.

**② Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

\*Tài khoản sử dụng:

**-Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”:** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vật liệu nhập, xuất, tồn kho. Kết cấu của tài khoản này như sau:

**Bên Nợ:** Trị giá vật liệu nhập kho và tăng lên do các nguyên nhân khác.

**Bên Có:** Trị giá vật liệu xuất kho và giảm do các nguyên nhân khác.

**Dư Nợ:** Trị giá vật liệu tồn kho

Tài khoản 152 sẽ được mở các tài khoản chi tiết theo yêu cầu quản lý trong từng doanh nghiệp.

**-Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”:** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vật tư, hàng hóa mà doanh nghiệp đã mua nhưng cuối tháng chưa về đến kho. Kết cấu của tài khoản này như sau:

**Bên Nợ:** Trị giá hàng đã mua đang đi trên đường

**Bên Có:** Trị giá hàng mua đã về đến doanh nghiệp

**Dư Nợ:** Trị giá hàng đã mua hiện có đang đi trên đường

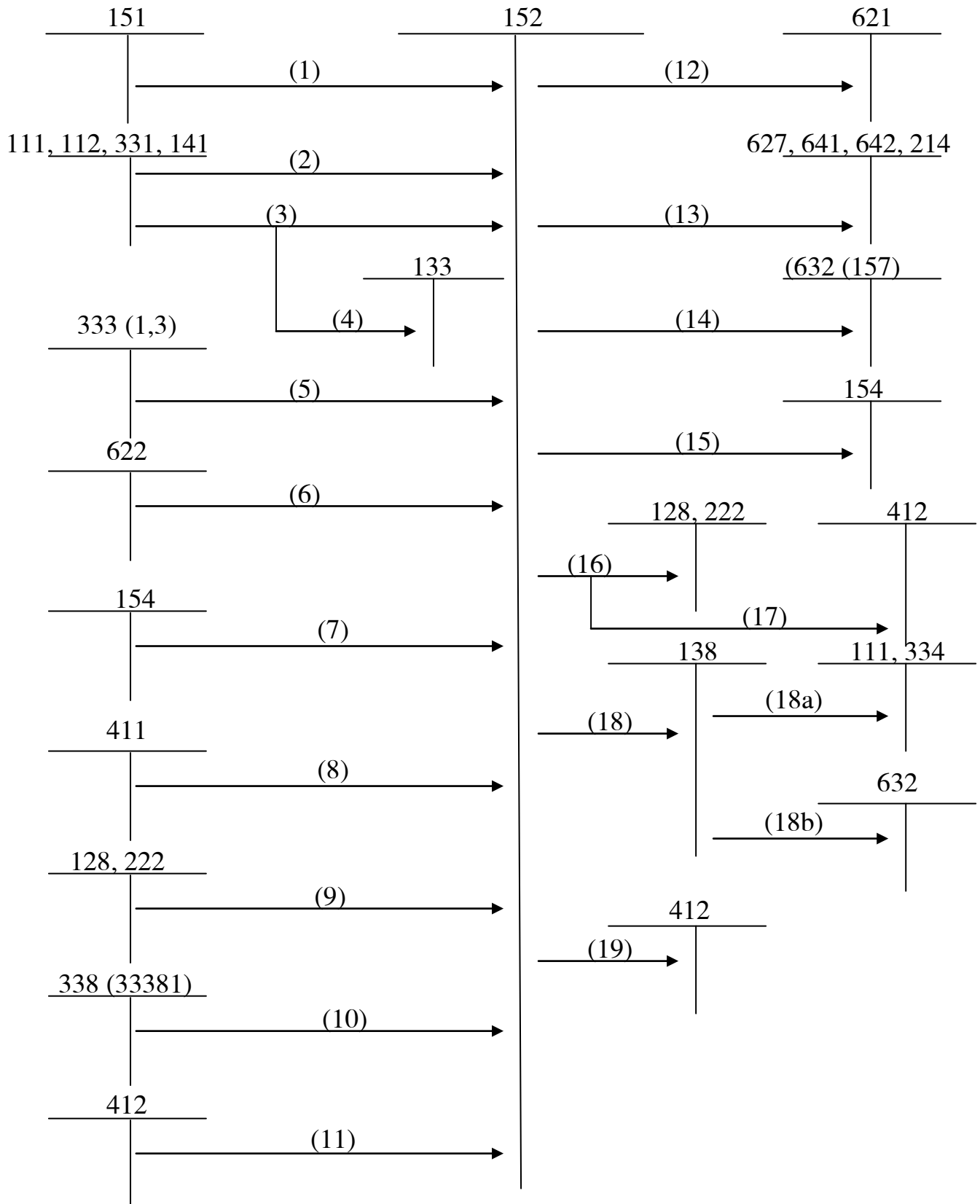
**-Tài khoản 331 “Phải trả cho người bán”:** Tài khoản này phản ánh mối quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với người bán, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu về các khoản vật tư, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ theo hợp đồng đã ký kết.

Tài khoản 331 không mở cấp 2 mà được mở chi tiết theo từng người bán. Ngoài ra, trong quá trình hạch toán kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác liên quan: TK 133, TK 111, TK 112, TK 141, TK 241, TK 621, TK 622, TK 627, TK 641, TK 642.

\*Quá trình hạch toán :

Trình tự hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Sơ đồ 1.4 :**



**Chú giải:**

- (1) Nhập kho hàng đang đi đường kỳ trước
- (2) Nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho (VAT theo phương pháp trực tiếp)
- (3) Nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho (VAT theo phương pháp khấu trừ)
- (4) Thuế GTGT được khấu trừ
- (5) Thuế nhập khẩu phải nộp
- (6) Nguyên vật liệu không dùng hết nhập lại kho
- (7) Nhập kho do tự chế hoặc thuê ngoài gia công chế biến
- (8) Nhận vốn góp liên doanh, cổ phần, cấp phát bằng nguyên vật liệu
- (9) Nhận lại vốn góp liên doanh
- (10) Phát hiện thừa khi kiểm kê, chờ xử lý
- (11) Chênh lệch tăng do đánh giá lại
- (12) Xuất dùng trực tiếp cho chế tạo sản phẩm
- (13) Xuất nguyên vật liệu cho quản lý sản xuất
- (14) Xuất bán hoặc gửi bán nguyên vật liệu
- (15) Xuất tự chế hoặc thuê ngoài gia công chế biến nguyên vật liệu
- (16) Xuất nguyên vật liệu góp vốn liên doanh
- (17) Chênh lệch đánh giá lại tài sản
- (18) Phát hiện thiếu khi kiểm kê, chờ xử lý
- (19) Chênh lệch giảm do đánh giá lại

### **1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ**

#### **① Đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ**

\*Định nghĩa:

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp. Từ đó tính ra giá trị vật tư, hàng hóa xuất kho trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị vật tư,} & & \text{Trị giá vật tư,} & & \text{Trị giá vật tư,} & & \text{Trị giá vật tư,} \\ \text{hàng hóa} & = & \text{hàng hóa tồn} & + & \text{hàng hóa nhập} & - & \text{hàng hóa tồn} \\ \text{xuất kho} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư, hàng hóa nhập kho, xuất kho không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho mà được theo dõi trên một tài khoản riêng là Tài khoản 611 “Mua hàng”.

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hóa sẽ được tiến hành vào cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị hàng tồn kho thực tế làm căn cứ ghi sổ kế toán của các tài khoản hàng tồn kho, đồng thời căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hóa tồn kho để xác định giá trị vật tư, hàng hóa xuất kho trong kỳ làm căn cứ để ghi sổ kế toán Tài khoản 611.

\*Ưu, nhược điểm:

-Ưu điểm: việc ghi chép đơn giản, gọn nhẹ do không phải đối chiếu giữa số liệu kế toán và số lượng kiểm kê mà số liệu kế toán luôn khớp với thực tế.

-Nhược điểm: trên tài khoản tổng hợp không thể hiện rõ giá trị vật liệu xuất dùng (hoặc xuất bán)

#### **② Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

\*Tài khoản sử dụng:

-**Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”** phản ánh giá trị thực tế nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ. Kết cấu của tài khoản này như sau:

**Bên Nợ:** Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ (kết chuyển từ tài khoản 611 sang)

**Bên Có:** Trị giá nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ (kết chuyển từ tài khoản 611 sang)

**Số dư Nợ:** Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ

-**Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”:** phản ánh giá trị thực tế hàng mua đang đi trên đường tồn đầu kỳ, cuối kỳ.

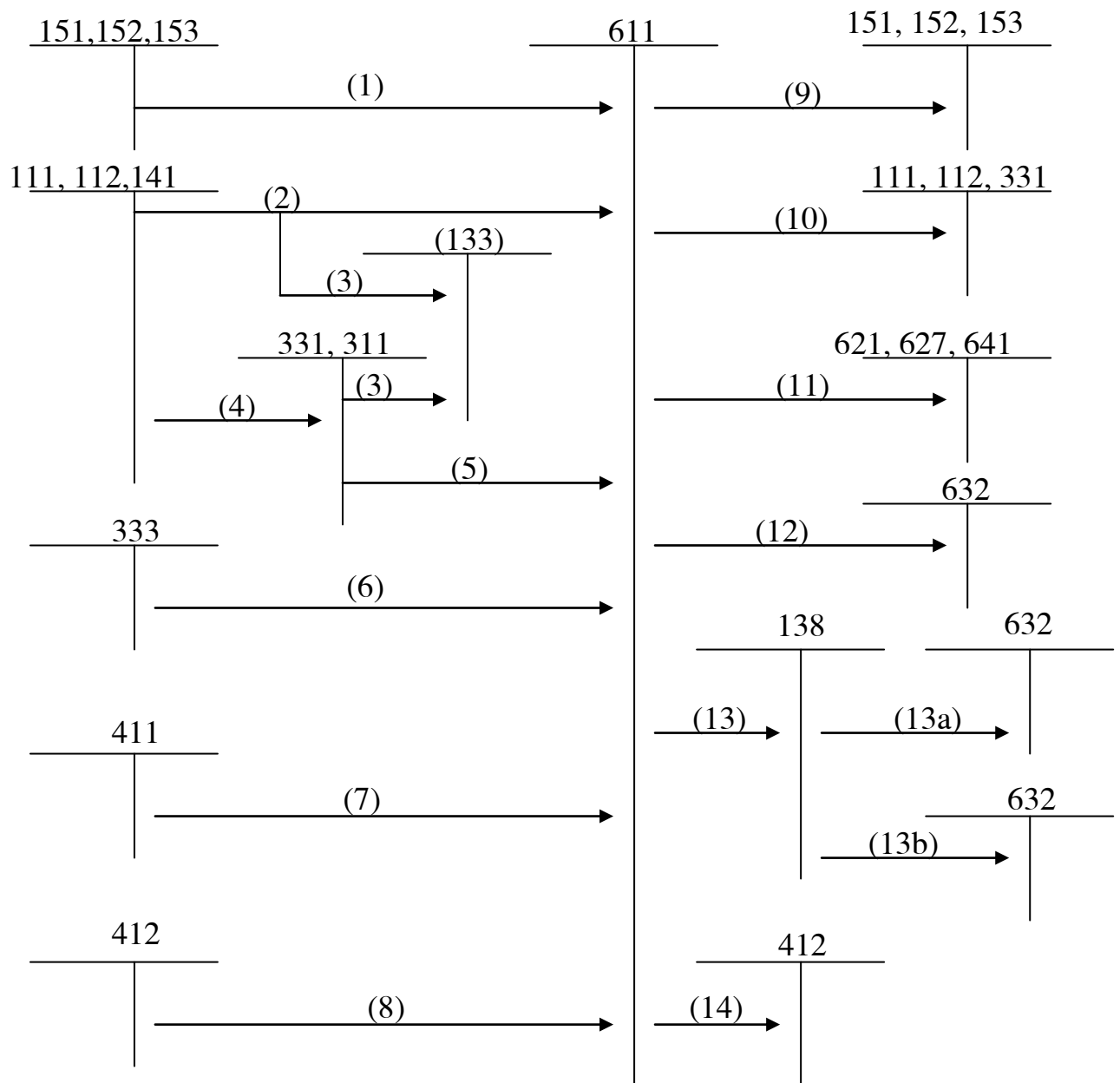
-**Tài khoản 611 “Mua hàng”:** phản ánh trị giá vốn của nguyên vật liệu luân chuyển trong tháng.

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác liên quan như: TK 111, TK 112, TK 133, TK 331... giống như phương pháp kê khai thường xuyên.

\*Trình tự hạch toán:

Trình tự hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ được phản ánh qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.5**



**Chú giải:**

- (1) Kết chuyển trị giá vật liệu tồn đầu kỳ
- (2) Mua nguyên vật liệu trả tiền ngay
- (3) Thuế GTGT được khấu trừ
- (4) Thanh toán tiền
- (5) Mua chưa trả hoặc trả bằng tiền vay
- (6) Thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp ngân sách Nhà nước
- (7) Nhận vốn góp cổ phần
- (8) Chênh lệch đánh giá tăng nguyên vật liệu
- (9) Kết chuyển trị giá vốn vật liệu tồn cuối kỳ
- (10) CKTM, giảm giá hàng mua, hàng mua bị trả lại
- (11) Giá trị nguyên vật liệu đã sử dụng trong kỳ
- (12) Xuất nguyên vật liệu để bán trong kỳ
- (13) Thiêu hụt mất mát (phạt tiền, trừ vào lương công nhân hoặc tính vào giá vốn)
- (14) Chênh lệch đánh giá giảm nguyên vật liệu

**1.2.3. Hình thức tổ chức sổ kế toán:**

Theo quyết định số 15/ 2006/ QĐ – BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 20/ 3/ 2006, các doanh nghiệp sử dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Chứng từ - Ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán trên máy vi tính



**① Hình thức kế toán Nhật ký chung:**

Hình thức này được áp dụng với điều kiện lao động thủ công hoặc loại hình doanh nghiệp đơn giản, quy mô vừa và nhỏ, trình độ quản lý thấp.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trong tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

**② Hình thức Chứng từ - ghi sổ:**

Hình thức này cũng được áp dụng với những loại hình doanh nghiệp đơn giản, quy mô vừa và nhỏ, trình độ quản lý thấp, có nhu cầu phân công lao động kế toán.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng từ - ghi sổ: căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

**③ Hình thức Nhật ký – Chứng từ:**

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký – Chứng từ:

-Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

-Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

-Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

-Sử dụng các mẫu sổ in sẵn có quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

-Nhật ký chứng từ

-Bảng kê

-Sổ cái

-Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

**④ Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái:**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái: các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi chép vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

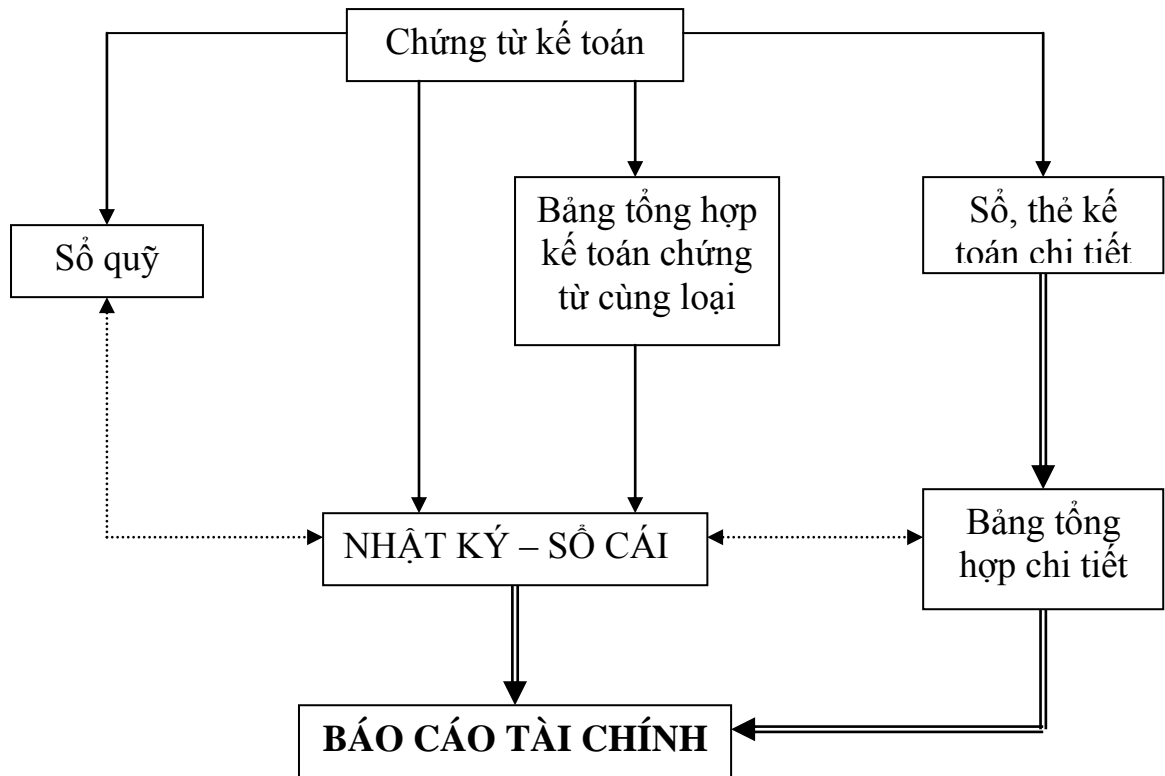
Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

-Nhật ký – Sổ cái

-Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.6:

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←-.-> Đối chiếu, kiểm tra

## CHƯƠNG 2:

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ HÀNG HẢI 131

#### 2.1. Tổng quan về xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131

##### 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển xí nghiệp

Xí nghiệp cơ khí bảo đảm an toàn Hàng Hải số 1 là một xí nghiệp trực thuộc doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích bảo đảm an toàn Hàng Hải Việt Nam.

Xí nghiệp cơ khí bảo đảm an toàn Hàng Hải số 1 được thành lập theo quyết định số 230 QĐ/TCCB – LĐ của cục trưởng cục Hàng Hải Việt Nam ngày 10 tháng 10 năm 1998. Trên cơ sở chuyển nguyên trạng xí nghiệp cơ khí bảo đảm an toàn Hàng Hải Việt Nam, tháng 8 năm 2005 Bộ Giao Thông Vận Tải tách **Bảo đảm an toàn Hàng Hải Việt Nam** thành hai công ty: **Công ty bảo đảm an toàn Hàng Hải I** và **Công ty bảo đảm an toàn Hàng Hải II**. Đồng thời **Xí nghiệp cơ khí bảo đảm an toàn Hàng Hải số 1** đổi tên thành **Xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131**.

Xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 là đơn vị thành viên trực thuộc Công ty bảo đảm an toàn Hàng Hải I, chịu sự quản lý trực tiếp của Công ty bảo đảm an toàn Hàng Hải I đồng thời chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền ở địa phương trong phạm vi hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

Xí nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động theo sự ủy quyền và phân cấp của Tổng giám đốc Công ty bảo đảm an toàn Hàng Hải I, có con dấu riêng, là đơn vị hạch toán phụ thuộc, được mở tài khoản tại Ngân hàng.

**Tên gọi đầy đủ:** Xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131

**Địa chỉ:** 22B đường Ngô Quyền – phường Máy Chai – quận Ngô Quyền – Thành phố Hải Phòng.

**Điện thoại:** 031.3836180

**Fax:** 031.3768134

### **2.1.2.Lĩnh vực hoạt động:**

-Tổ chức thực hiện sửa chữa gia công, hoán cải, phục hồi đóng mới các phương tiện, thiết bị phục vụ cho công tác bảo đảm an toàn hàng hải và công nghiệp khác.

-Đóng mới các phương tiện thủy.

-Tổ chức việc thực hiện quản lý, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và đầu tư các trang thiết bị. Có phương án đổi mới kỹ thuật và đầu tư các trang thiết bị phù hợp công nghệ mới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

-Tận dụng cơ sở vật chất kỹ thuật và lao động hiện có để hoạt động kinh doanh khai thác các dịch vụ về cơ khí và sửa chữa, đóng mới các thiết bị chuyên ngành...theo quy định hiện hành của nhà nước.

-Thực hiện nhiệm vụ khác do Công ty bảo đảm an toàn Hàng Hải I giao.

Do sản phẩm của xí nghiệp là:

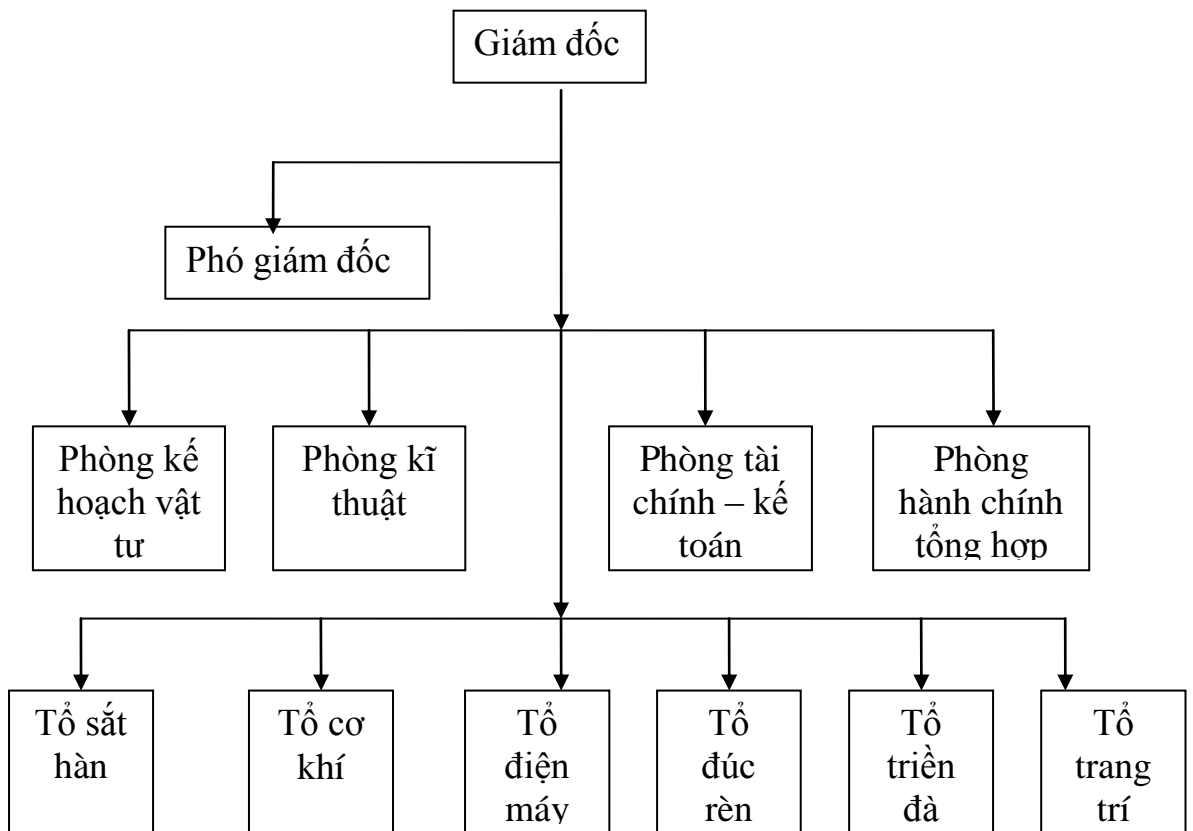
- Các loại phao dùng để báo đắm, cứu đắm.
- Sửa chữa các loại tàu bè bị hỏng hóc hay sự cố.
- Sửa chữa, lắp đặt các ngọn hải đăng trên toàn quốc.
- Ngoài công việc sản xuất chính phục vụ Nhà nước thì xí nghiệp còn có hoạt động sản xuất phụ. Đó là các hợp đồng đóng mới các loại tàu theo yêu cầu của đơn vị khác đặt hàng.

### **2.1.3.Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131**

#### **2.1.3.1.Sơ đồ bộ máy quản lý của xí nghiệp:**

Để đảm bảo hoạt động của xí nghiệp có hiệu quả, đúng pháp luật đồng thời phát huy được hết sức mạnh của tập thể cũng như của từng cá nhân trong đơn vị. Xí nghiệp đã bố trí tổ chức bộ máy sản xuất và chỉ đạo điều hành theo sơ đồ dưới đây:

**Sơ đồ bộ máy quản lý xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131**



**2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban:**

**❖ Ban giám đốc:**

*Giám đốc:*

- Giám đốc xí nghiệp là người đại diện pháp nhân của xí nghiệp có quyền điều hành cao nhất trong xí nghiệp chịu trách nhiệm trước tổng giám đốc doanh nghiệp và trước pháp luật về hoạt động của doanh nghiệp.

- Xây dựng và đệ trình tổng giám đốc phê duyệt các kế hoạch sản xuất, đầu tư trang thiết bị, đào tạo, tổ chức bộ máy quản lý điều hành, nội quy lao động, các quy chế trả lương, thưởng và các quy trình khác. Tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật chế độ chính sách đã ban hành.

- Đề nghị tổng giám đốc công ty bảo đảm an toàn hàng hải I bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỉ luật phó tổng giám đốc, trưởng phòng tài chính kế toán.

Có quyền quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm các trưởng, phó phòng và các tổ trưởng, phó tổ trưởng sản xuất, điều động các thuyền trưởng, máy trưởng các tàu

công tác trong xí nghiệp theo phân cấp tổng giám đốc công ty bảo đảm an toàn hàng hải I.

*Phó giám đốc:*

Thực hiện nhiệm vụ được giao về kế hoạch sản xuất, sử dụng kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất sản phẩm và trong khâu kiểm tra, kiểm định chất lượng sản phẩm. Tham mưu giúp giám đốc trong việc quyết định có liên quan đến kỹ thuật thiết bị và máy móc.

**❖ Phòng kế hoạch vật tư:**

*Chức năng:*

Phòng kế hoạch vật tư có chức năng tham gia mưu cho giám đốc xí nghiệp về công tác kinh tế và các vấn đề có liên quan đến vật tư dùng trong công tác sản xuất kinh doanh của xí nghiệp theo kế hoạch nhà nước giao hoặc cho công tác sản xuất khác, làm sao cho vừa tiết kiệm vừa có hiệu quả.

*Nhiệm vụ:*

Hàng năm cơ sở kế hoạch công ty bảo đảm an toàn hàng hải I giao cho xí nghiệp thì phòng phải lập kế hoạch về vật tư cho cả hoạt động kinh doanh chính lẫn sản xuất phụ (trường hợp công ty bảo đảm an toàn hàng hải I kí kết và giao cho xí nghiệp thực hiện các hợp đồng có liên quan đến cơ khí. Phòng có kế hoạch điều phối về vật tư sao cho có hiệu quả nhất.

Phòng phải theo dõi xem xét việc thực hiện công tác sản xuất và tạo điều kiện cho các tổ, các đội, các phân xưởng thi công sản xuất đúng tiến độ đã đề ra từ trước.

**❖ Phòng tổng hợp hành chính:**

*Chức năng:*

Thừa lệnh của giám đốc xí nghiệp tham mưu và thực hiện các công tác:

-Kỹ thuật vật tư và kế hoạch sản xuất kinh doanh của xí nghiệp.

-Tổ chức cán bộ tiền lương, thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến người lao động theo đúng quy định hiện hành của nhà nước. Đáp ứng đúng nhu cầu sản xuất của đơn vị.

-Hành chính lưu trữ, quản trị văn phòng, chăm lo sức khỏe của cán bộ nhân viên xí nghiệp.

*Nhiệm vụ:*

-Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ của xí nghiệp lập kế hoạch sản xuất kinh doanh để trình cấp trên duyệt cho các năm sau. Lập kế hoạch đầu tư và thanh lí các trang thiết bị phục vụ sản xuất.

-Cân đối nhiệm vụ sản xuất của cấp trên giao và các nhiệm vụ sản xuất khác. Đôn đốc theo dõi tạo điều kiện cho các tổ chức thi công các sản phẩm đúng tiến độ.

-Theo dõi quản lí đúng kĩ thuật đối với các tài sản cố định phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh trong xí nghiệp.

**❖Phòng kĩ thuật:**

*Chức năng:* tham mưu cho giám đốc về lĩnh vực kĩ thuật sản xuất.

*Nhiệm vụ:*

-Tổ chức công tác kế toán, công tác thống kê phù hợp với các tổ chức sản xuất kinh doanh của xí nghiệp theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lí.

-Tổ chức ghi chép, tính toán phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp.

-Phản ánh chính xác, kịp thời đúng chế độ kế toán, chuẩn bị đầy đủ các thủ tục tài liệu cần thiết cho việc xử lí các khoản mất mát, hao hụt hư hỏng, các tham ô, các trường hợp xâm phạm tài sản. Đồng thời đề xuất các biện pháp xử lí.

**❖Phòng tài chính kế toán:**

*Chức năng:* tham mưu cho giám đốc xí nghiệp, tổ chức chỉ đạo công tác tài chính kế toán, thống kê thông tin về hạch toán kinh tế tại xí nghiệp theo cơ chế mới. Đồng thời là kiểm soát viên kinh tế tài chính của xí nghiệp.

*Nhiệm vụ :* tổ chức công tác thống kê phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của xí nghiệp, theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lí không ngừng cải thiện tổ chức bộ máy và công tác kế toán thống kê. Tổ chức ghi chép tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Tính toán trích nộp đúng đủ, kịp thời các



khoản nộp ngân sách, nộp cấp trên, các quỹ, xí nghiệp thanh toán đúng hạn các tiền vay, các khoản

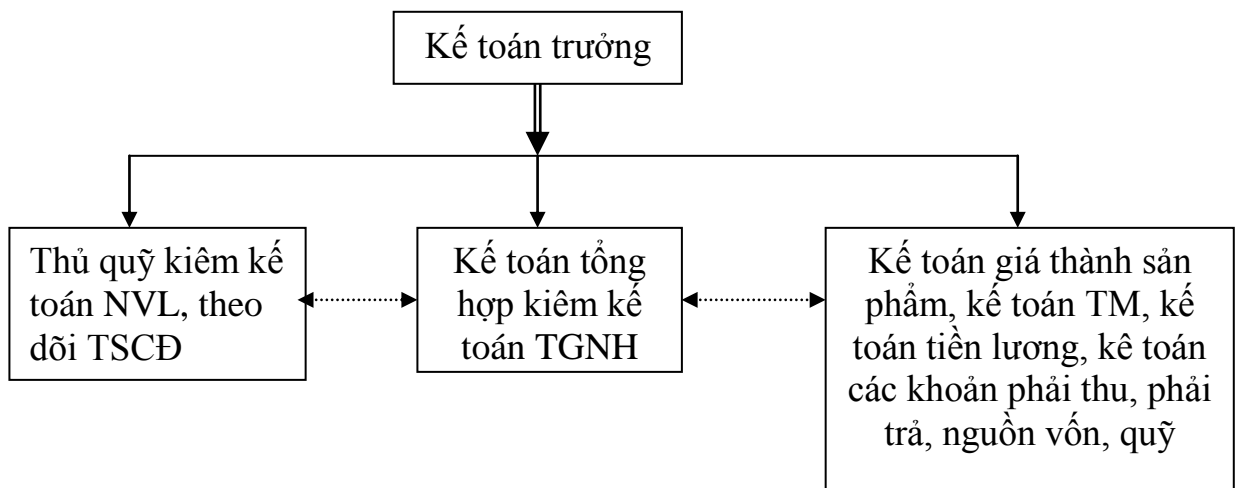
#### 2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131

##### 2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

\* Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 tổ chức theo hình thức tập trung

*Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán*



Ghi chú:

- > Mọi quan hệ hỗ trợ công tác và chỉ đạo nghiệp vụ
- ====> Mọi quan hệ quản lý và chỉ đạo
- ←-----> Mọi quan hệ phối hợp công tác và hỗ trợ nghiệp vụ

\* Tổ chức bộ máy kế toán:

- *Kế toán trưởng:*

Kế toán trưởng là người điều hành công việc chung của cả phòng kế toán, phụ trách tổ chức hạch toán kế toán, trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình giám đốc. Đồng thời phải ký duyệt quyết toán quý, năm theo đúng quá trình kinh doanh.

*-Kế toán tổng hợp:*

Kế toán tổng hợp kiêm luôn công tác kế toán tiền gửi ngân hàng. Có nhiệm vụ lập và giải trình các báo cáo tổng hợp, bảng cân đối kế toán, xử lý các số liệu về tiền gửi ngân hàng với cấp trên.

*-Kế toán giá thành sản phẩm:*

Kế toán sản xuất chính, sản xuất phụ kiêm kế toán tiền mặt, kế toán tiền lương, kế toán các khoản phải thu, phải trả, kế toán các loại nguồn vốn, quỹ. Kế toán có nhiệm vụ xử lý các số liệu về giá thành, kế toán sổ chi tiết giá thành sản phẩm và tập hợp biểu sản xuất chung và sản xuất phụ.

Kế toán tiền mặt, kế toán tiền lương, kế toán nguồn vốn và theo dõi các loại quỹ của xí nghiệp, theo dõi các khoản phải thu, phải trả.

*-Thủ quỹ:*

Thủ quỹ kiêm luôn công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, theo dõi TSCĐ do công ty BĐATHH I giao.

**2.1.4.2.Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại xí nghiệp:**

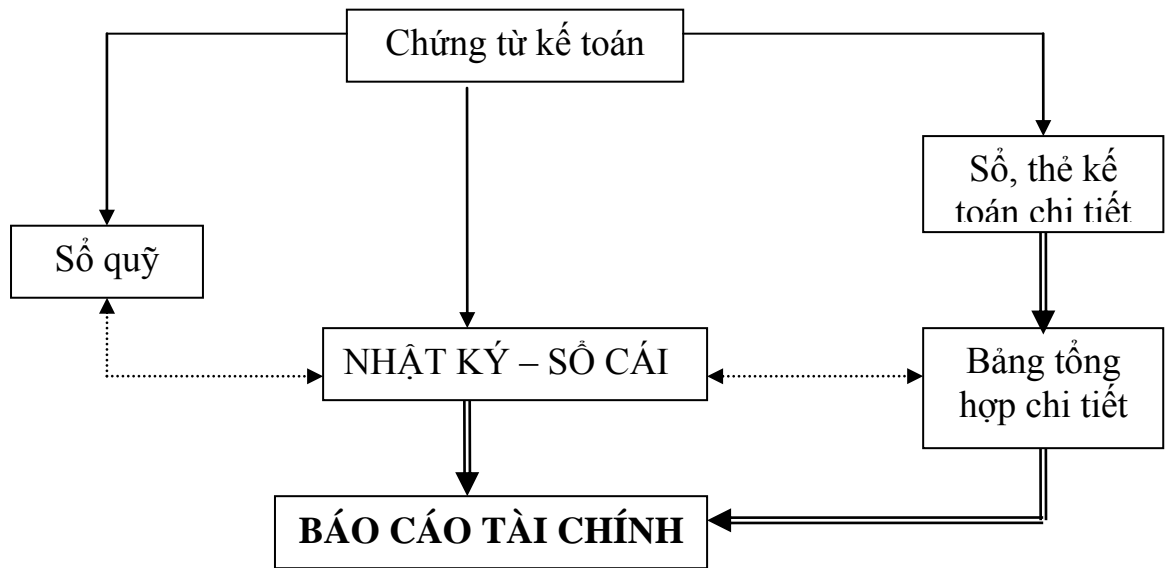
Để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh thực tế của xí nghiệp, hiện nay xí nghiệp đang áp dụng hình thức sổ kế toán là hình thức “ Nhật ký – Sổ cái ”.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký – Sổ cái: các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế phát sinh (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

**Trình tự ghi sổ kế toán**



Ghi chú :

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- .-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

**2.1.5. Phương hướng nhiệm vụ năm 2008:**

Xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 có nhiều thuận lợi đó là sự quan tâm của lãnh đạo công ty bảo đảm an toàn Hàng Hải I, các phòng ban và các đơn vị thành viên. Để đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2008 của công ty bảo đảm an toàn Hàng Hải I giao cho, mục tiêu trong năm đặt ra là:

➤ Nâng cao chất lượng sản phẩm, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, đoàn kết và kỷ luật lao động tốt, giữ vững và ổn định thu nhập, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà công ty bảo đảm an toàn Hàng Hải I giao cho.

➤ Tăng cường các biện pháp để sản phẩm cơ khí năm 2008 đạt yêu cầu về kỹ thuật và ngày càng hoàn thiện về thẩm mỹ. Song song với việc giáo dục, xí nghiệp chủ trương bằng các biện pháp xử phạt đối với các sản phẩm kém phẩm chất trên cơ sở thỏa mãn các yêu cầu của người thợ về trang thiết bị phù hợp. Cụ thể là:

- Tăng cường công tác nghiệm thu sản phẩm theo trình tự từ người thợ tới tổ và bộ phận theo hướng dẫn chung của công ty bảo đảm an toàn Hàng Hải I.
- Tuyên truyền, nâng cao về nhận thức quản lý chất lượng ISO 9002

➤ Kiểm tra chất lượng bán sản phẩm, phụ tùng thay thế, tổ chức lại việc khảo sát, giao dịch với khách hàng nhằm thúc đẩy nhanh quá trình lập dự toán.

➤ Phân công trách nhiệm cụ thể các bộ phận chuyên trách từng công việc cụ thể, từng thời kỳ. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của công ty bảo đảm an toàn Hàng Hải I và của khách hàng.

➤ Không chạy theo số lượng, đặc biệt chú trọng tới việc nâng cao chất lượng bảo hiểm lao động, không hình thức, thiết thực chăm lo đến đời sống làm việc của cán bộ công nhân viên, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm.

➤ Chuẩn bị kế hoạch nâng cao tay nghề của công nhân và nâng cao trình độ quản lý của cán bộ khối văn phòng, đáp ứng đòi hỏi mỗi ngày một cao của nhiệm vụ

## **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp**

### **2.2.1. Đặc điểm, phân loại và công tác quản lý nguyên vật liệu tại xí nghiệp**

#### **2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu:**

Xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 có nhiệm vụ sửa chữa, gia công, phục hồi, đóng mới các phương tiện thiết bị phục vụ cho công tác đảm bảo an toàn hàng hải theo đơn đặt hàng: các loại phao tiêu dẫn luồng, cứu đắm, hệ thống ánh sáng báo hiệu...theo yêu cầu nhiệm vụ được giao. Kinh doanh dịch vụ sửa chữa cơ khí, đóng mới các thiết bị hàng hải như tàu, thuyền...Do vậy xí nghiệp chia hoạt động sản xuất ra làm hai phần gồm:

- Sản xuất chính: đây là hoạt động chủ yếu của xí nghiệp, đó là hoạt động sản xuất công ích theo các yêu cầu của Nhà nước giao mà cụ thể là sản xuất kinh doanh theo các đơn đặt hàng từ tổng công ty.

- Sản xuất phụ: để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường, xí nghiệp còn được phép tận dụng các trang thiết bị, cơ sở vật chất được nhà nước giao để kinh doanh các dịch vụ đóng mới, sửa chữa cơ khí theo yêu cầu của các khách hàng bên ngoài và thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như các doanh nghiệp khác.

Chính vì vậy mà vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất chủ yếu là các kim loại với tính chất công dụng khác nhau. Ngoài ra còn có một số vật liệu khác phục vụ cho việc gia công, trang trí các thiết bị chuyên ngành như các loại sơn, dầu, các

loại nhiên liệu... Các loại nguyên vật liệu của xí nghiệp có đặc điểm số lượng nhiều, tính chất công dụng khác nhau nên công tác bảo quản khó khăn. Như các loại nguyên vật liệu là kim loại dễ bị han rỉ, bị hao hụt biến đổi tính chất, công dụng nên không được bảo quản tốt như các loại vật liệu phụ: sơn, dầu, ga...

#### 2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu:

Để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà ở đây là hoạt động sửa chữa cơ khí, xí nghiệp phải sử dụng nhiều loại vật liệu khác nhau, mỗi loại vật liệu lại có tính chất, tác dụng riêng biệt, được sử dụng liên tục trong quá trình sản xuất của đơn vị. Để thực hiện tốt công tác quản lý và hạch toán vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh, phù hợp với đặc điểm sản xuất của xí nghiệp, xí nghiệp đã phân loại vật liệu thành các loại sau:

-Nguyên vật liệu chính: gồm các loại vật liệu bằng kim loại như tôn, sắt, thép, đồng... phục vụ cho hoạt động sửa chữa đóng mới các loại tàu thuyền.

-Nguyên vật liệu phụ: gồm các loại sơn, dầu, dây hàn, đồng lá, dây trang trí... được dùng kết hợp trong quá trình sửa chữa để nâng cao chất lượng tính thẩm mỹ của sản phẩm được đóng mới và sửa chữa.

-Nhiên liệu: gồm các loại ga, xăng, oxy... cho việc hàn, cắt kim loại.

#### 2.2.1.3. Công tác quản lý nguyên vật liệu:

Do tính phức tạp, phong phú và đa dạng của nguyên vật liệu mà xí nghiệp rất coi trọng việc quản lý nguyên vật liệu. Để có thể theo dõi, kiểm tra, hạch toán chính xác chất lượng và số lượng nguyên vật liệu trong kỳ. Xí nghiệp quản lý nguyên vật liệu như sau:

-Hệ thống kho gồm có:

Kho vật liệu: xí nghiệp dùng để bảo quản các loại vật liệu gồm: Vật liệu chính như các loại tôn, thép, sắt phục vụ chủ yếu cho hoạt động cơ khí. Vật liệu phụ, các loại vật liệu khác có tính chất hỗ trợ, kết hợp với vật liệu chính để nâng cao chất lượng của dịch vụ sửa chữa, đóng mới như các loại dây hàn, que hàn, sơn, dầu pha sơn, dây trang trí, bìa cách điện.

Kho thành phẩm: xí nghiệp dùng để chứa các loại thành phẩm được sản xuất của xí nghiệp. Đó là các loại phụ kiện được gia công (tôn, thép, sắt...) cộng với

quản lý chi phí các sản phẩm như mạ ní, mu quai rùa... để nhượng bán cho bên ngoài theo yêu cầu của khách hàng.

-Xí nghiệp đã xây dựng mức tiêu hao hợp lý để tránh lãng phí

-Xí nghiệp giao trách nhiệm cho thủ kho. Thủ kho phải có trách nhiệm quản lý vật tư về số lượng và tình hình biến động của từng loại vật tư.

-Kế toán chi tiết nguyên vật liệu phải thực hiện theo dõi theo từng loại.

### **2.2.2.Đánh giá nguyên vật liệu**

#### **2.2.2.1.Nguyên vật liệu nhập kho:**

Hiện nay tại xí nghiệp kế toán nguyên vật liệu đánh giá nguyên vật liệu nhập kho theo phương pháp giá vốn thực tế

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{thực tế NVL} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{(hóa đơn)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các loại thuế} \\ \text{không được hoàn} \\ \text{lại} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CKTM,} \\ \text{giảm giá} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

**Ví dụ 1:** Theo hóa đơn số 0690128 ngày 05 tháng 12 năm 2008, xí nghiệp mua thép tròn Ø16 của Công ty TNHH Thanh Tùng với số lượng 2000 kg trị giá 21.600.000 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Như vậy trị giá nhập kho của lô vật tư này là: 21.600.000 đồng

**(Biểu số 2.1)**

**Ví dụ 2:** Theo hóa đơn số 0895017 ngày 07 tháng 12 năm 2008, xí nghiệp mua tôn 8 mm của Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng với số lượng 3500 kg trị giá 35.700.000 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Như vậy trị giá nhập kho của lô vật tư này là: 35.700.000 đồng

**(Biểu số 2.2)**

**Ví dụ 3:** Theo hóa đơn số 0752014 ngày 10 tháng 12 năm 2008, xí nghiệp mua thép của Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng với số lượng 9000 kg trị giá 107.100.000 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Như vậy trị giá nhập kho của lô vật tư này là: 107.100.000 đồng

**(Biểu số 2.3))**

**Biểu số 2.1**

<b>HÓA ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 05 tháng 12 năm 2008			Mẫu số: 01-GTKL-3LL NL/2008B <b>0690128</b>		
Đơn vị bán hàng:	C.TY TNHH THANH TÙNG Số 30- Trường Chinh – Kiến An- HP MST: 02200448060				
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
Điện thoại:	MS:	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
Họ tên người mua hàng: Lê Xuân Chia					
Tên đơn vị: Xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131					
Địa chỉ: 22B đường Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Thép tròn Ø16	Kg	2000	10.800	21.600.000
Cộng tiền hàng:					21.600.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		2.160.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					23.760.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn/					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)	

**Biểu số 2.2**

<b>HÓA ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 07 tháng 12 năm 2008			Mẫu số: 01-GTKL-3LL NL/2008B <b>0895017</b>		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thép và vật tư Hải Phòng Địa chỉ: Km92 đường 5 mới – Hải Phòng Số tài khoản: 10201000213303 – NH Công Thương Hồng Bàng - HP Điện thoại:                      MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Sơn Tên đơn vị: Xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 Địa chỉ: 22B đường Ngô Quyền – Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: Trả chậm <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Tôn 8mm	Kg	3500	10.200	35.700.000
Cộng tiền hàng:					35.700.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			3.570.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					39.270.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn/</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)	



**Biểu số 2.3**

<b>HÓA ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 10 tháng 12 năm 2008			Mẫu số: 01-GTKL-3LL NL/2008B <b>0752014</b>		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thép và vật tư Hải Phòng Địa chỉ: Km92 đường 5 mới – Hải Phòng Số tài khoản: 10201000213303 – NH Công Thương Hồng Bàng - HP Điện thoại:                      MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Lê Xuân Chia Tên đơn vị: Xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 Địa chỉ: 22B đường Ngô Quyền – Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: CK                      MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Thép Ø10	Kg	9000	11.900	107.100.000
Cộng tiền hàng:					107.100.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			10.710.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					117.810.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm mười bảy triệu, tám trăm mười nghìn đồng chẵn/</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)	

2.2.2.2. Nguyên vật liệu xuất kho:

-Tại xí nghiệp khi tính trị giá nguyên vật liệu xuất kho thì áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{thực tế NVL} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{thực tế NVL} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực} \\ \text{tế NVL nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng NVL} \\ \text{tồn đầu kỳ} \\ \text{+} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}} * \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{NVL xuất} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{thực tế NVL} \\ \text{tồn kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{NVL tồn kho} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình} \\ \text{quân} \end{array}$$

**Ví dụ:** Ngày 21/12 xuất kho 250 kg thép tròn Ø16 cho tổ sắt hàn làm nguyên liệu sản xuất. Theo sổ chi tiết vật liệu thép tròn Ø16 trong tháng 12/2008 như sau:

-Tồn đầu kỳ: Số lượng: 1800 kg

Trị giá : 18.720.000 đồng

-Nhập trong kỳ

+ Ngày 05/12/2008: Số lượng 2000 kg    Trị giá : 21.600.000 đồng

+ Ngày 15/12/2008: Số lượng 600 kg    Trị giá : 6.600.000 đồng

Vậy đơn giá xuất kho của 1kg thép tròn Ø16 trong tháng 12/2008 là

$$\frac{18.720.000 + 21.600.000 + 6.600.000}{1800 + 2000 + 600} = 10.664 \text{ đ/kg}$$

Đơn giá này được tính vào cuối tháng và áp dụng cho tất cả các lần xuất trong tháng

Như vậy trị giá xuất thép tròn Ø16 trong ngày 21/12/2008 là:

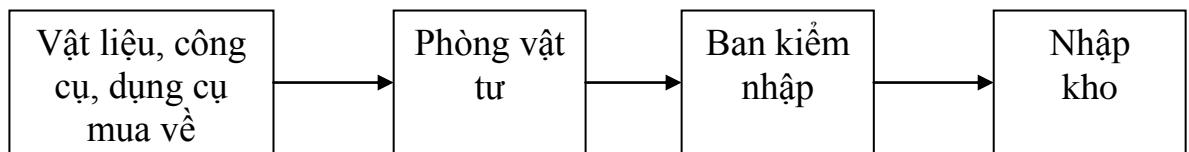
$$250 * 10.664 = 2.666.000 \text{ đồng}$$

### 2.2.3. Thủ tục nhập, xuất nguyên vật liệu tại xí nghiệp

#### 2.2.3.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

Phòng vật tư căn cứ vào kế hoạch và nhu cầu vật tư của các đơn vị sản xuất đã được giám đốc phê duyệt sẽ tổ chức cán bộ đi thu mua hoặc ký hợp đồng. Khi hàng đã về đến kho của xí nghiệp sẽ được kiểm tra căn cứ vào hóa đơn GTGT, đồng thời đối chiếu với hợp đồng ký kết (nếu có) về số lượng, chủng loại, chất lượng từng loại vật liệu để lập biên bản kiểm nghiệm vật tư hàng hóa. Căn cứ vào hóa đơn và biên bản kiểm nghiệm vật tư hàng hóa, thủ kho viết phiếu Nhập kho thành 3 liên:

- Liên 1: lưu tại phòng vật tư
- Liên 2: dùng để thanh toán
- Liên 3: thủ kho giữ để làm cơ sở ghi vào thẻ kho, và chuyển về phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ kế toán.



*Bộ chứng từ nhập kho gồm:*

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hóa
- Phiếu nhập kho
- Phiếu chi ....

**Biểu số 2.4**

<p><b>HÓA ĐƠN</b>  <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>                  Liên 2: Giao cho khách hàng                  Ngày 15 tháng 12 năm 2008</p>			<p>Mẫu số: 01-GTKL-3LL                  NL/2008B  <b>0082108</b></p>		
Đơn vị bán hàng:	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px;"> <p>C.TY TNHH THANH TÙNG                      Số 30- Trường Chinh – Kiến An- HP                      MST: 0220044806</p> </div>				
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
Điện thoại:	MS:	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
Họ tên người mua hàng: Lê Xuân Chia					
Tên đơn vị: Xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131					
Địa chỉ: 22B đường Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Tôn 8mm	Kg	1200	10.100	12.120.000
2	Tôn 6mm	Kg	900	10.500	9.450.000
3	Thép tròn Ø10	Kg	640	12.600	8.064.000
4	Thép tròn Ø12	Kg	100	11.600	1.160.000
5	Thép tròn Ø16	Kg	600	11.000	6.600.000
Cộng tiền hàng:					37.394.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			3.739.400
Tổng cộng tiền thanh toán:					41.133.400
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn mươi một triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm đồng/</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.5

Đơn vị: XNCKHH 131

Bộ phận: Tổ cơ khí

Mẫu số: 03-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM**

( Vật tư, công cụ, hàng hóa, sản phẩm)

Số 315

Hải Phòng, ngày 15 tháng 12 năm 2008

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0082108 ngày 15/12/2008 của công ty TNHH Thanh Tùng

- Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông: Bùi Thế Hùng

Chức vụ: Trưởng phòng vật tư - Trưởng ban

Ông: Hoàng Thanh Bình

Chức vụ: Thủ kho - Ủy viên

Bà: Nguyễn Thu Hiền

Chức vụ: Kế toán - Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên, Nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
				Số lượng đúng Qc, Pc	Số lượng không đúng Qc, Pc	
1.	Tôn 8mm	Kg	1200	1200		
2.	Tôn 6mm	Kg	900	900		
3.	Thép tròn Ø10	Kg	640	640		
4.	Thép tròn Ø12	Kg	100	100		
5.	Thép tròn Ø16	Kg	600	600		

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: đạt yêu cầu kỹ thuật.

Đồng ý nghiệm thu.

Đại diện KT  
(ký tên)

Thủ kho  
(ký tên)

Trưởng ban  
(ký tên)

Trịnh Văn Trường

Lê Mạnh Đạt

Đặng Văn Tuấn

**Biểu số 2.6**

**Đơn vị:** XNCKHH 131  
**Địa chỉ:** 22B Ngô Quyền - HP

**Mẫu số: 01-VT**  
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU NHẬP KHO**

LIÊN:1

Ngày 15 tháng 12 năm 2008

Số: 139

Nợ: 152

Có:111

Đơn vị/Họ tên: Nguyễn Văn Oanh

Địa chỉ:

MST:

Theo chứng từ số:

Ngày: 15/12/2008

Nhập tại kho: Xí nghiệp

Lý do nhập:

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	MH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Trị giá
1	Tôn 8mm		Kg	1200	10.100	12.120.000
2	Tôn 6mm		Kg	900	10.500	9.450.000
3	Thép tròn Ø10		Kg	640	12.600	8.064.000
4	Thép tròn Ø12		Kg	100	11.600	1.160.000
5	Thép tròn Ø16		Kg	600	11.000	6.600.000
	Cộng					37.394.000

Giám đốc

Kế toán

Nhập, ngày 15 tháng 12 năm 2008  
Thủ kho

Người giao hàng

**Biểu số 2.7**

XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ HÀNG HẢI 131  
Số 22B đường Ngô Quyền – TP Hải Phòng

**PHIẾU CHI**

Ngày 15 tháng 12 năm 2008

**Mẫu số 02 – TT**

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của BTC

Số: 1285

Nợ: 152,133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền : Công ty TNHH Thanh Tùng

Địa chỉ : 30 Trường Chinh – Kiến An - HP

Lý do chi : Mua vật tư của công ty TNHH Thanh Tùng

Số tiền : **41.133.400 đồng**

Bằng chữ : *Bốn mươi một triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm đồng*

Kèm theo : 01 HĐ 0082108 làm chứng từ gốc

**Thủ trưởng    Kế toán trưởng    Người lập phiếu    Người nộp tiền    Thủ quỹ**

(Ký, họ tên, đóng dấu) (Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Bốn mươi một triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm đồng.

2.2.3.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu:

Khi các bộ phận sản xuất trong xí nghiệp có nhu cầu về nguyên vật liệu phải liệt kê chi tiết về số lượng, chủng loại nguyên vật liệu đó và ghi rõ dùng cho mục đích gì vào “Đơn xin cấp vật tư” gửi lên phòng vật tư. Xem xét thấy hợp lý sẽ trình lên cho giám đốc ký duyệt. Lúc đó kế toán nguyên vật liệu viết phiếu xuất kho.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: lưu ở phòng kế toán
- Liên 2: lưu ở bộ phận sản xuất được cấp nguyên vật liệu
- Liên 3: giao cho thủ kho làm căn cứ lưu thẻ kho

Ví dụ: Theo đề nghị của tổ đúc rèn xin cấp một số loại vật tư sử dụng để sửa chữa tàu VMS04. Căn cứ vào đơn xin cấp vật tư đã có đủ chữ ký, kế toán nguyên vật liệu sẽ viết phiếu xuất kho.



**Biểu số 2.8**

**Đơn vị:** XNCKHH 131

**Địa chỉ:** 22B Ngô Quyền – Hải Phòng

**ĐƠN XIN CẤP VẬT TƯ**

Số : 39

Tên tôi là: Nguyễn Văn Tuấn      Bộ phận: tổ đúc rèn

Kính trình ban lãnh đạo cấp duyệt một số loại vật tư sau:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, (vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa)	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng
1.	Tôn 8mm	Kg	300	Sửa chữa tàu VMS04
2.	Thép tròn Ø16	Kg	420	Sửa chữa tàu VMS04

Giám đốc

Trưởng phòng vật tư

Người xin

**Biểu số 2.9**

**Đơn vị:** XNCKHH 131  
**Địa chỉ:** 22B Ngô Quyền - HP

**Mẫu số:** 02-VT  
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU XUẤT KHO**

LIÊN:1

Ngày 20 tháng 12 năm 2008

Số: 147

Nợ: 621

Có:152

Đơn vị/Họ tên: Nguyễn Văn Tuấn

Địa chỉ: Tổ đúc rèn

Theo chứng từ số:

Xuất tại kho : Xí nghiệp

MST:

Ngày: 20/12/2008

Lý do xuất: Sửa tàu VMS04

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	MH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Trị giá
1	Tôn 8mm		Kg	300		
2	Thép tròn Ø10		Kg	420		
	Cộng					

Xuất, ngày 20 tháng 12 năm 2008

Giám đốc

Kế toán

Thủ kho

Người giao hàng

#### **2.2.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu**

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 áp dụng theo phương pháp thẻ song song. Công tác hạch toán chi tiết nguyên vật liệu thực hiện cả ở kho và phòng kế toán.

**\*Ở kho:**

Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép, phản ánh hàng ngày tình hình nhập – xuất – tồn của từng loại nguyên vật liệu theo chỉ tiêu số lượng. Mỗi loại nguyên vật liệu được theo dõi riêng ở một thẻ kho để dễ dàng ghi chép, kiểm tra, đối chiếu.

Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập, chứng từ xuất vật liệu, thủ kho kiểm tra tính chính xác, hợp lệ của chứng từ rồi ghi lượng nguyên vật liệu thực nhập, thực xuất vào chứng từ.

Từ các phiếu nhập kho và phiếu xuất kho, thủ kho sẽ ghi chi tiết và theo dõi trên thẻ kho.

Cuối ngày thủ kho tính toán số tồn kho để ghi vào cột tồn trên thẻ kho. Định kỳ từ 3 đến 5 ngày thủ kho gửi chứng từ nhập, chứng từ xuất cho phòng kế toán.

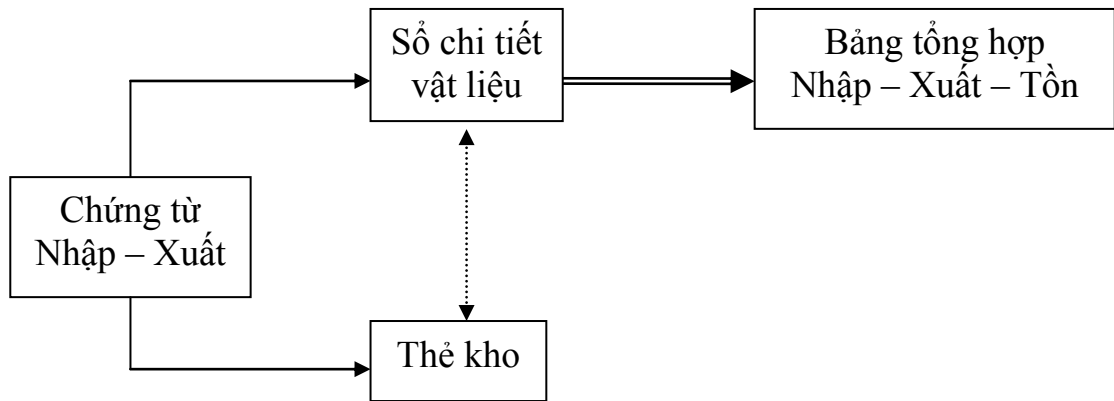
**\*Tại phòng kế toán:**

Từ những chứng từ nhập, chứng từ xuất do thủ kho gửi lên kế toán kiểm tra tính hợp lý rồi ghi vào sổ chi tiết vật liệu theo dõi cả về hiện vật và giá trị. Cuối tháng, kế toán đối chiếu số lượng trên sổ chi tiết với thẻ kho.

Cuối tháng, kế toán lấy số liệu từ dòng cộng phát sinh và số dư cuối kỳ để đưa vào bảng tổng nhập – xuất – tồn trên dòng tương ứng. Số liệu trên dòng tổng cộng của bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn được đối chiếu với số liệu trên dòng cộng phát sinh và số dư cuối kỳ của tài khoản 152 trên Nhật ký – Sổ cái.

**Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu**

**tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131**



**Biểu số 2.10**

**Đơn vị:** XNCKHH 131  
**Địa chỉ:** 22B Ngô Quyền - HP

**Mẫu số:** S12 - DN  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**THẺ KHO**

Ngày lập thẻ: 01/12/2008

Tờ số:

- Tên vật tư, quy cách vật tư: Tôn 8mm
- Mã số vật tư:
- Đơn vị tính: Kg

STT	Ngày tháng chứng từ	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				<b>Số dư đầu kỳ:</b>				<u>1100</u>	
				.....					
	07/12	PN129		Nhập NVL của Công ty CP thép và vật tư HP		3500			
	15/12	PN139		Nhập NVL của Công ty Thanh Tùng		1200			
	20/12		PX147	Xuất NVL cho tổ đúc rèn			300		
				.....		...	.....		
				<b>Cộng phát sinh tháng</b>		4700	4260		
				<b>Số dư cuối kỳ</b>				<u>1540</u>	

**Biểu số 2.11**

**Đơn vị:** XNCKHH 131  
**Địa chỉ:** 22B Ngô Quyền - HP

**Mẫu số:** S12 - DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**THẺ KHO**

Ngày lập thẻ: 01/12/2008

Tờ số:

-Tên vật tư, quy cách vật tư: Thép Ø16

-Mã số vật tư:

-Đơn vị tính: Kg

STT	Ngày tháng chứng từ	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				<b>Số dư đầu kỳ:</b>				<u>1800</u>	
				.....					
	15/12	PN139		Nhập NVL của Công ty Thanh Tùng		600			
	21/12		PX148	Xuất NVL cho tổ trang trí			250		
				.....		.....	.....		
				<b>Cộng phát sinh tháng</b>		2600	3450		
				<b>Số dư cuối kỳ:</b>				<u>950</u>	

**Biểu số 2.12**

**Đơn vị:** XNCKHH 131  
**Địa chỉ:** 22B Ngô Quyền - Hải Phòng

**Mẫu số S10 – DN**  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ( SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Tháng 12 năm 2008

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ(sản phẩm, hàng hóa): Thép tròn Ø16

Mã số vật liệu, dụng cụ(sản phẩm, hàng hóa):

Đơn vị tính: Kg

Đơn giá bình quân gia quyền: 10.664 đ/kg

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		<b>Số dư đầu kỳ:</b>							1800	18.720.000
PN128	5/12	Mua NVL của Công ty Thanh Tùng	111	10.800	2000	21.600.000				
		.....								
PN139	15/12	Mua NVL của Công ty Thanh Tùng	111	11.000	600	6.600.000				
PX148	21/12	Xuất NVL cho tổ trang trí	621				250	2.666.000		
		.....	.....	.....	.....	.....				
		Cộng phát sinh tháng:			2600	28.200.000	3450	36.790.800		
		<b>Số dư cuối kỳ:</b>							950	10.129.200

**Biểu số 2.13**

**Đơn vị:** XNCKHH 131  
**Địa chỉ:** 22B Ngô Quyền - Hải Phòng

**Mẫu số S10 – DN**  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ( SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Tháng 12 năm 2008

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ(sản phẩm, hàng hóa): Tôn 8mm

Mã số vật liệu, dụng cụ(sản phẩm, hàng hóa):

Đơn vị tính: Kg

Đơn giá bình quân gia quyền : 10.150 đồng/kg

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		<b>Số dư đầu kỳ:</b>							<u>1.100</u>	<u>11.055.000</u>
PN129	07/12	Mua NVL của Công ty CP thép và vật tư HP	111	10.200	3500	35.700.000				
		.....								
PN139	15/12	Mua NVL của công ty Thanh Tùng	111	10.100	1200	12.120.000				
PX147	20/12	Xuất NVL cho tổ đúc rền	621				300	3.045.000		
		.....	.....	.....	.....	.....				
		Cộng phát sinh tháng:			4.700	47.820.000	4260	43.239.000		
		<b>Số dư cuối kỳ:</b>							<u>1540</u>	<u>15.636.000</u>

**Biểu số 2.14**

Đơn vị : XNCKHH 131

Địa chỉ: 22B Ngô Quyền – Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN NGUYÊN VẬT LIỆU**

Tháng 12/2008

STT	Tên vật tư	Tồn đầu tháng		Nhập trong tháng		Xuất trong tháng		Tồn cuối tháng		Ghi chú
		SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	
1.	Thép tròn Ø16	1.800	18.720.000	2.600	28.200.000	3.450	36.790.800	950	10.129.200	
2.	Thép tròn Ø12	1.350	15.120.000	4.100	46.330.000	3.890	43.859.750	1.560	17.590.250	
3.	Thép tròn Ø10	980	10.878.000	5.350	64.735.000	5.900	70.475.500	430	5.137.500	
4.	Tôn 8mm	1.100	11.055.000	4.700	47.820.000	4.260	43.239.000	1.540	15.636.000	
5.	Tôn 6mm	1.460	15.768.000	3.800	34.960.000	4.780	46.098.320	480	4.629.680	
	.....	...	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
	<b>Tổng cộng:</b>		82.541.300		276.045.200		292.463.370		66.123.130	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập

Trưởng phòng TC - KT



### **2.2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131**

Hiện nay, xí nghiệp đang áp dụng kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên: kế toán phải ghi chép thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của vật tư, hàng hóa trên các tài khoản đã sử dụng.

Việc xác định giá vốn thực tế của vật tư, hàng hóa được tính căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### **\*Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hóa
- Các chứng từ khác có liên quan

#### **\*Tài khoản sử dụng:**

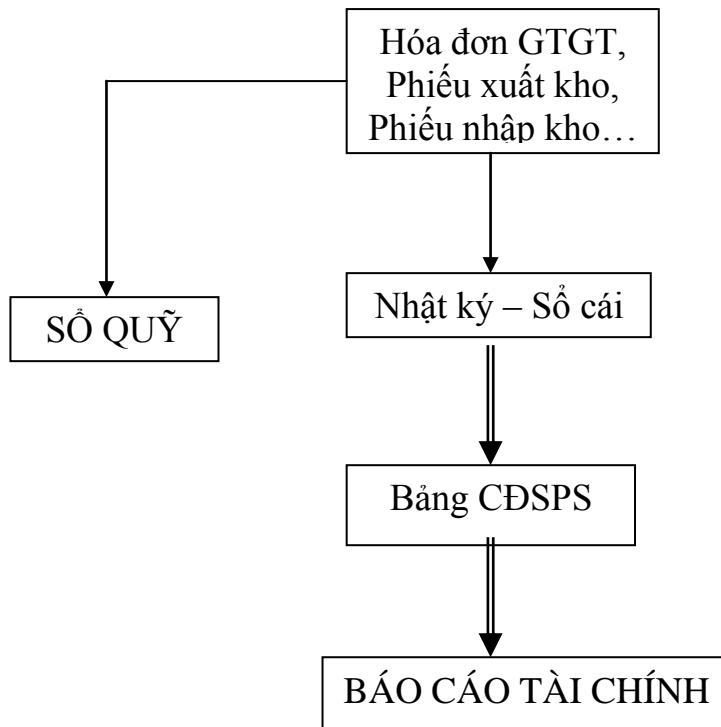
Để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, xí nghiệp sử dụng tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”. Tài khoản này được chia thành các tiểu khoản sau:

- 1521 : Nguyên vật liệu chính
- 1522 : Nguyên vật liệu phụ
- 1523 : Nhiên liệu

Bên cạnh đó, xí nghiệp còn sử dụng các tài khoản có liên quan để hạch toán: TK 111, TK 112, TK 141, TK 621....

#### **\*Quy trình hạch toán:**

**Quy trình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu  
tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131**



**2.2.5.1. Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu:**

Vật liệu của xí nghiệp hầu hết là do mua ngoài nhập kho do vậy nảy sinh quan hệ thanh toán giữa xí nghiệp và người cung cấp vật tư. Đối với những lô hàng có giá trị nhỏ có thể thanh toán ngay bằng tiền mặt, còn đối với những lô hàng có giá trị lớn thì xí nghiệp sẽ thanh toán bằng chuyển khoản hoặc theo phương thức chậm trả.

***\*Nhập kho do mua ngoài, được thanh toán ngay bằng tiền mặt:***

Khi phát sinh nghiệp vụ mua nguyên vật liệu thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ chi tiền mặt mua nguyên vật liệu, ghi sổ quỹ hàng ngày, lập báo cáo quỹ kèm theo các chứng từ chi làm cơ sở kế toán.

Kế toán nguyên vật liệu sẽ căn cứ vào hóa đơn GTGT, cước vận chuyển và phiếu nhập kho để ghi vào sổ chi tiết vật liệu.

Kế toán thanh toán căn cứ vào hóa đơn GTGT và lập phiếu chi theo định khoản:

Nợ TK: 152

Nợ TK: 133

Có TK: 111

**Ví dụ:** Xí nghiệp mua Thép tròn Ø16 của Công ty TNHH Thanh Tùng trị giá 21.600.000 chưa bao gồm thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0690128 ngày 05/12/2008 (đã trích ở phần kế toán chi tiết) kế toán ghi phiếu chi. Sau đó kế toán phản ánh nghiệp vụ vào các sổ chi tiết vật liệu, sổ quỹ tiền mặt, Nhật ký – Sổ cái.

**(Biểu số 2.15)**

***\*Nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài, thanh toán bằng TGNH***

Hiện nay, xí nghiệp đã áp dụng việc thanh toán tiền hàng thông qua chuyển khoản. Thông thường việc thanh toán bằng TGNH chỉ áp dụng với những lô hàng có giá trị lớn.

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu sẽ căn cứ vào hóa đơn GTGT và phiếu xuất kho ghi vào sổ chi tiết vật liệu.

Kế toán thanh toán sẽ căn cứ vào UNC và giấy báo nợ của ngân hàng, hóa đơn GTGT và phiếu nhập kho ghi định khoản:

Nợ TK: 152

Nợ TK: 133

Có TK: 112

**Ví dụ:** Xí nghiệp mua 1 lô vật tư của Công ty cổ phần thép và vật tư Hải Phòng trị giá 107.100.000 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10%, thanh toán bằng TGNH.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0752014 ngày 10/12/2008 (đã trích ở phần kế toán chi tiết) kế toán viết ủy nhiệm chi gửi đến NH Công thương Hải Phòng để thanh toán cho Công ty.

Khi nhận được giấy báo nợ của NH, kế toán tiến hành phản ánh nghiệp vụ vào các sổ chi tiết, sổ tiền gửi ngân hàng, Nhật ký – Sổ cái.

**(Biểu số 2.15)**

**\*Nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài, nhưng chưa thanh toán ngay:**

Hình thức mua nguyên vật liệu nhưng chưa thanh toán thường được áp dụng với các nhà cung cấp có quan hệ thường xuyên với xí nghiệp.

Kế toán nguyên vật liệu sẽ căn cứ vào hóa đơn GTGT và phiếu nhập kho tiến hành định khoản:

Nợ TK: 152

Nợ TK: 133

Có TK: 331

Đến khi thanh toán, kế toán ghi:

Nợ TK: 331

Có TK: 111, 112

**Ví dụ:** Xí nghiệp mua 3500kg tôn 8mm của Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng trị giá 35.700.000 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10%, xí nghiệp chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0895017 ngày 07/12/2008 (đã trích ở phần kế toán chi tiết) kế toán sẽ phản ánh nghiệp vụ vào sổ chi tiết, sổ chi tiết thanh toán, sổ Nhật ký – Sổ cái.

**(Biểu số 2.15)**

**2.2.5.2. Kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu:**

Vật liệu của xí nghiệp chủ yếu sử dụng cho mục đích sửa chữa phương tiện thủy, đóng mới các quả phao...

Vật liệu mua về thường qua được nhập vào kho rồi mới xuất cho các bộ phận có nhu cầu sử dụng.

Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán phản ánh nghiệp vụ như sau:

Nợ TK 621

Có TK 152

*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131*

**Biểu số 2.15**

**NHẬT KÝ – SỔ CÁI (Tháng 12 năm 2008)**

STT dòng	Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền phát sinh	Số hiệu TK		STT dòng	...	TK 152		TK 133	
		SH	NT			Nợ	Có			Nợ	Có	Nợ	Có
				<b>Số dư đầu tháng:</b>						<b><u>82.541.300</u></b>			
				.....									
11.	05/12	PN128	05/12	Mua thép Ø16 của Công ty Thanh Tùng	21.600.000 2.160.000	152 133	111 111	11.		21.600.000		2.160.000	
				.....									
15.	07/12	PN129	07/12	Mua tôn 8mm của Công ty CP thép và vật tư HP	35.700.000 3.570.000	152 133	331 331	15.		35.700.000		3.570.000	
				.....									
22.	10/12	PN 133	10/12	Mua thép Ø10 của Công ty thép và vật tư HP	107.100.000 10.710.000	152 133	112 112	22.		107.000.000		10.710.000	
				.....									
26.	15/12	PN139	15/12	Mua NVL của Công ty Thanh Tùng	37.394.000 3.739.400	152 133	111 111	26.		37.394.000		3.739.400	
				.....									
30.	31/12	PX147	20/12	Xuất NVL cho tổ đúc rèn	6.426.000	621	152	30.			6.426.000		
31.	31/12	PX148	21/12	Xuất NVL cho tổ trang trí	2.666.000	621	152	31.			2.666.000		
				.....									
				<b>Cộng phát sinh:</b>						276.045.200	292.463.370		
				<b>Số dư cuối tháng</b>						<b><u>66.123.130</u></b>			

### CHƯƠNG 3:

## MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ HÀNG HẢI 131

### 3.1.Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp

Xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 là đơn vị sự nghiệp, hoạt động công ích, là đơn vị thành viên của Công ty bảo đảm an toàn Hàng Hải I. Có nhiệm vụ đóng mới, sửa chữa các phương tiện thủy... phục vụ cho công tác bảo đảm an toàn hàng hải.

Xí nghiệp ngày càng cố gắng thực hiện nhiệm vụ được giao một cách tốt hơn trong lĩnh vực sản xuất chính, còn trong lĩnh vực sản xuất phụ thì xí nghiệp luôn tìm kiếm thêm nhiều hợp đồng sửa chữa đóng mới phao, tàu... để tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động cũng như nâng cao vốn cho xí nghiệp.

Công tác hạch toán kế toán ở xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 đã đáp ứng được yêu cầu về quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, nhất là khi áp dụng chế độ kế toán mới xí nghiệp cũng gặp phải những khó khăn nhất định. Nhưng với đội ngũ nhân viên kế toán với trình độ và năng lực của mình, xí nghiệp đã nhanh chóng thích ứng với hoàn cảnh mới, áp dụng chế độ kế toán mới, sử dụng hệ thống sổ sách theo đúng quy định và hạch toán một cách có hiệu quả.

#### 3.1.1.Uưu điểm:

*\*Về tổ chức bộ máy kế toán nói chung:*

Xí nghiệp tổ chức kế toán theo hình thức kế toán tập trung, mọi công tác kế toán được tập trung xử lý tại phòng kế toán của xí nghiệp, mô hình này phù hợp với xí nghiệp bởi địa bàn hoạt động của xí nghiệp hẹp, quy mô vừa, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít và không quá phức tạp.

*\*Về hình thức kế toán:*

Hiện nay, xí nghiệp đang áp dụng theo hình thức Nhật ký – Sổ cái để phục vụ cho công tác kế toán. Mẫu sổ của hình thức này đơn giản, gọn nhẹ thuận lợi cho quá trình ghi chép, kiểm tra, đối chiếu sổ sách của xí nghiệp đặc biệt phù hợp trong điều kiện kế toán bằng thủ công của xí nghiệp.

*\*Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán:*

Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại xí nghiệp cơ bản là thực hiện theo đúng quy định của Bộ tài chính ban hành. Xí nghiệp cũng thiết lập hệ thống tài khoản chuẩn do Bộ tài chính quy định và bổ sung thêm một số tiểu khoản phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đặc điểm sản xuất kinh doanh của xí nghiệp.

*\*Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu:*

Đề hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, xí nghiệp đã áp dụng phương pháp thẻ song song. Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra số liệu, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của xí nghiệp.

*\*Về công tác tổ chức quản lý và sử dụng nguyên vật liệu:*

Nguyên vật liệu mua về đều qua kiểm tra chất lượng, quy cách trước khi nhập kho và được thủ kho sắp xếp khá hợp lý, bố trí nhân viên kế toán nguyên vật liệu theo dõi hạch toán vật liệu chặt chẽ.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, phòng kế hoạch xây dựng hệ thống định mức nguyên vật liệu cụ thể, chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu, cho từng loại sản phẩm. Từ đó lên kế hoạch thu mua, xuất kho và dự trữ ở mức hợp lý đủ đảm bảo quá trình sản xuất, không gây ứ đọng vốn, thuận lợi cho các phân xưởng tiết kiệm vật tư trong sản xuất, chất lượng sản phẩm không hề thay đổi.

Về khâu thu mua: xí nghiệp đã tổ chức được đội ngũ cán bộ chuyên thu mua vật tư. Mỗi người được phân công một số loại vật tư nhất định nào đó. Do đó việc quản lý chứng từ, hóa đơn về thu mua cũng rất hợp lý, thuận tiện đồng thời cung cấp đầy đủ kịp thời nguyên vật liệu cho sản xuất đúng tiến độ, kế hoạch.

Về khâu dự trữ, bảo quản: xí nghiệp luôn dự trữ vật liệu ở mức hợp lý đủ đảm bảo cho quá trình sản xuất, kinh doanh và không gây ứ đọng vốn, hệ thống kho rộng rãi đảm bảo cho việc nhập, xuất nguyên vật liệu.

Về khâu sử dụng: mọi nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu đều được qua phòng vật tư để xem xét tính hợp lý của nhu cầu đó, nhằm sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả vật liệu trong sản xuất.

### **3.1.2.Những tồn tại:**

Nhìn chung, tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu của xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 được thực hiện khá hiệu quả, bảo đảm theo dõi được tình hình biến động nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm trên thì công tác kế toán nguyên vật liệu của xí nghiệp vẫn còn một số những tồn tại.

*\*Về sử dụng tài khoản liên quan đến hạch toán nguyên vật liệu:*

Mọi hoạt động sản xuất của xí nghiệp đều tiến hành theo lệnh sản xuất của Công ty bảo đảm an toàn Hàng Hải I, được cấp dự toán và khi sản phẩm hoàn thành sẽ được quyết toán. Phòng vật tư sẽ có kế hoạch thu mua vật liệu phục vụ cho sản xuất. Do đó mà xí nghiệp không dự trữ nhiều vật liệu và kế toán nguyên vật liệu cũng không lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tuy nhiên thời gian tiến hành sản xuất khá dài nên vật liệu mua về cho sản xuất có khi chưa sử dụng hết ngay mà phải để trong kho và đến thời điểm quý IV có thể có những biến động nhất định về giá cả nguyên vật liệu. Do vậy, công tác hạch toán vật liệu đặc biệt là xác định trị giá vật liệu tồn kho trong thời điểm xảy ra sự biến động về giá cả có thể gặp nhiều khó khăn.

*\*Công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu:*

Xí nghiệp tiến hành sản xuất với hoạt động sửa chữa, đóng mới các phương tiện thủy do vậy phải sử dụng vật liệu chủ yếu là sắt, thép...Mà đặc điểm của những loại vật liệu này dễ han rỉ, công kênh, dễ thay đổi về tính chất, công dụng. Do vậy trong công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu dù xí nghiệp rất quan tâm và cố gắng hoàn thiện song cũng không tránh khỏi những thiếu sót, yếu tố khách quan bên ngoài tác động vào.

### **3.1.3.Nguyên nhân của những tồn tại:**

*\*Nguyên nhân khách quan:*

Xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 là đơn vị thành viên của Công ty bảo đảm an toàn Hàng Hải 131 do vậy phải thực hiện theo những quy định và sự quản lý chung trong quá trình sản xuất, quản lý nói chung và trong hạch toán kế toán nói riêng.

*\*Nguyên nhân chủ quan:*



Là xí nghiệp đã trải qua quá trình phát triển lâu dài, do vậy có rất nhiều thói quen trong công việc đã ăn sâu vào nếp nghĩ, nếp làm của cán bộ xí nghiệp và rất khó thay đổi. Đội ngũ cán bộ nhân viên phòng Tài chính – kế toán của xí nghiệp đa số là những người đã lớn tuổi, có kinh nghiệm trong công việc. Song lại chậm bắt kịp với sự tiến bộ của khoa học công nghệ, ngại tiếp cận với những cái mới và không muốn thay đổi thói quen trong công việc.

### **3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp**

#### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp**

Trong nền kinh tế thị trường, khi xu thế cạnh tranh ngày càng mạnh giữa các doanh nghiệp thì giá cả là một yếu tố quan trọng quyết định tới lợi nhuận của xí nghiệp. Nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Chính vì vậy, hạch toán kế toán nguyên vật liệu đầy đủ, chính xác là một trong những yếu tố đảm bảo cho giá thành được phản ánh chân thực. Trên cơ sở đó các nhà quản lý phân tích và tìm cách tiết kiệm nguyên vật liệu để giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh, tăng lợi nhuận cho xí nghiệp. Chính vì vậy, công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu là một phần hành không thể thiếu trong các doanh nghiệp sản xuất.

Trong những năm qua, mặc dù xí nghiệp luôn không ngừng nỗ lực phấn đấu để đạt hiệu quả cao nhất trong công tác quản lý và công tác tổ chức sản xuất nhưng vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục. Do đó việc nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp là vô cùng cần thiết.

#### **3.2.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện:**

##### **3.2.2.1. Yêu cầu hoàn thiện:**

Hoàn thiện kế toán trong xí nghiệp là việc hết sức quan trọng và cần thiết, để đảm bảo cho việc hoàn thiện mang tính khả thi, đáp ứng được các yêu cầu quản lý của xí nghiệp phải thực hiện các yêu cầu sau:

-Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải đảm bảo sự phù hợp với các nguyên tắc kế toán chung.

-Phải đảm bảo tôn trọng cơ chế tài chính, tuân thủ các chính sách, chế độ kế toán Việt Nam.

-Phải dựa trên cơ sở phù hợp với điều kiện và nhu cầu quản lý của xí nghiệp.

-Phải đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích trong công tác hạch toán kế toán.

### **3.2.2.2.Nguyên tắc hoàn thiện:**

Hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng là một trong những vấn đề hết sức phức tạp, vừa có ý nghĩa lý luận vừa có ý nghĩa thực tiễn. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 cần dựa trên các nguyên tắc sau:

-Nguyên tắc khả thi: nguyên tắc này đảm bảo xí nghiệp có thể thực hiện được và tuân thủ các quy định, chính sách pháp luật của Nhà nước.

-Nguyên tắc hiệu quả: chi phí bỏ ra để thực hiện các biện pháp hoàn thiện phải mang lại hiệu quả tốt hơn.

### **3.2.3.Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp**

Qua thời gian thực tập tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131, em nhận thấy việc hạch toán vật liệu ở xí nghiệp tiến hành theo đúng quy định đã đáp ứng được phần nào yêu cầu quản lý. Tuy nhiên, khi đi sâu tìm hiểu từng vấn đề cụ thể em thấy có những điểm cần phải củng cố thêm.

Dưới đây em xin mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhằm khắc phục những tồn tại, góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp.

#### **Ý kiến 1: Lập sổ danh điểm vật tư**

Xí nghiệp đã phân loại vật liệu căn cứ vào công dụng và vai trò của nguyên vật liệu. Việc phân loại này đơn giản nhưng để thuận lợi hơn cho công tác quản lý thì kế toán nên lập sổ danh điểm vật tư nhằm thống nhất tên gọi, quy cách, ký hiệu của từng loại vật liệu.

Việc lập sổ danh điểm vật tư sẽ giúp cho kế toán quản lý vật liệu một cách chính xác và tốt hơn, đảm bảo việc phản ánh tình hình biến động về vật liệu một cách kịp thời chính xác phục vụ cho yêu cầu quản lý và tổ chức sản xuất của xí nghiệp.

Mẫu sổ danh điểm vật tư như sau: **(Biểu số 3.1)**

**Biểu số 3.1:**

**SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ**

Ký hiệu		Tên, quy cách, chủng loại vật tư	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm vật tư				
<b>1521</b>	<b>Nguyên vật liệu chính</b>				
	1521-T1	Thép phi các loại			
	1521-T11	Thép Ø10	Kg		
	1521-T12	Thép Ø12	Kg		
	.....	.....			
	1521-T2	Tôn các loại			
	1521-T21	Tôn 1 li	Kg		
	1521-T22	Tôn 3-5 li	Kg		
	.....	.....			
<b>1522</b>	<b>Nguyên vật liệu phụ</b>				
	1522-S	Sơn các loại			
	1522-S01	Sơn trắng	Kg		
	1522-S02	Sơn đỏ	Kg		
	1522-S03	Sơn chống rỉ	Kg		
	.....	.....			
<b>1523</b>	<b>Nhiên liệu</b>				
	1523-01	Dầu	Lít		
	.....				

**Ý kiến 2: Lập phiếu giao nhận chứng từ**

Khi các bộ phận, phòng ban chuyên giao chứng từ cho nhau, xí nghiệp nên quy định lập phiếu giao nhận chứng từ có chữ ký của hai bên giao và nhận. Có như vậy khi xảy ra mất mát, thất lạc chứng từ sẽ xử lý đúng cá nhân, đúng bộ phận, nâng cao tinh thần trách nhiệm của nhân viên. Phiếu giao nhận chứng từ có mẫu như sau:

**Biểu số 3.2:**

**PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ**

Từ ngày...đến ngày...tháng....năm....

STT	Chứng từ		Nội dung chứng từ	Nơi nhận chứng từ	Người nhận chứng từ	Ký tên
	Ngày	Số				

**Ví dụ:** Trong tháng 12/2008 xí nghiệp có một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

- Ngày 05/12 nhập thép Ø16 của Công ty Thanh Tùng
- Ngày 07/12 nhập tôn 8mm của Công ty CP thép và vật tư Hải Phòng
- Ngày 10/12 nhập thép Ø10 của Công ty CP thép và vật tư Hải Phòng
- Ngày 20/12 xuất NVL cho tổ đúc rèn

**PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ**

Từ ngày 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

STT	Chứng từ		Nội dung chứng từ	Nơi nhận chứng từ	Người nhận chứng từ	Ký tên
	Ngày	Số				
			.....			
4.	05/12	PN128	Nhập kho thép Ø16	Phòng TC - KT	Nguyễn Thu Hiền	
			.....			
9.	07/12	PN129	Nhập kho tôn 8mm	Phòng TC - KT	Nguyễn Thu Hiền	
			.....			
11.	10/12	PN133	Nhập kho thép Ø10	Phòng TC - KT	Nguyễn Thu Hiền	
			.....			
22.	20/12	PX 147	Xuất NVL cho tổ đúc rèn	Phòng TC - KT	Nguyễn Thu Hiền	
			.....			

**Ý kiến 3: Đánh giá nguyên vật liệu**

Theo em, để việc hạch toán giá xuất được kịp thời, xí nghiệp nên tính giá nguyên vật liệu theo phương pháp FIFO (nhập trước, xuất trước). Đây là phương pháp phổ biến trong việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho của mỗi doanh nghiệp.

Theo phương pháp này, trước hết ta phải xác định được đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết nguyên vật liệu nào nhập trước sẽ được xuất trước, nguyên vật liệu nào nhập sau sẽ được xuất sau. Vì vậy, nguyên vật liệu xuất kho trong lần nhập nào thì sẽ tính giá thực tế của lần nhập đó.

Khi giá cả vật liệu có xu hướng tăng thì áp dụng phương pháp này doanh nghiệp có mức lãi nhiều hơn so với các phương pháp khác.

Phương pháp tính giá này làm cho công việc tính toán của kế toán trở lên đơn giản hơn, giảm thiểu được khối lượng công việc cho kế toán. Phần nào giúp cho xí nghiệp tiết kiệm được chi phí quản lý .

**Ý kiến 4:** *Hàng mua đang đi đường*

Xí nghiệp phải thường xuyên mua nguyên vật liệu, khi hóa đơn mua hàng đã về đến xí nghiệp nhưng cuối tháng hàng vẫn chưa về kho, do vậy kế toán nên sử dụng tài khoản 151 cùng với tài khoản 152 theo dõi chặt chẽ từ quá trình thu mua đến nhập kho, tránh tình trạng mất mát nguyên vật liệu.

**Kết cấu Tài khoản 151 như sau:**

**Bên Nợ:** - Trị giá vật tư đã mua đang đi đường

-Kết chuyển trị giá thực tế của vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai định kỳ).

**Bên Có:** - Trị giá vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.

-Kết chuyển trị giá thực tế của vật tư mua đang đi đường đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

**Số dư bên Nợ:** Trị giá vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho đơn vị).

Hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

(1)Hàng hóa, vật tư được coi là thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa nhập kho, bao gồm:

-Hàng hóa, vật tư mua ngoài đã thanh toán tiền hoặc đã chấp nhận thanh toán nhưng còn để ở kho của người bán, ở bến cảng, bến bãi hoặc đang trên đường vận chuyển.

-Hàng hóa, vật tư mua ngoài đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nghiệm, kiểm nhận nhập kho.

(2)Kế toán hàng mua đang đi đường được ghi nhận trên Tài khoản 151 theo nguyên tắc giá gốc quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”.

(3)Hàng ngày, khi nhận được hóa đơn mua hàng, nhưng hàng chưa về nhập kho, kế toán chưa ghi sổ mà tiến hành đối chiếu với hợp đồng kinh tế và lưu hóa đơn vào tập hồ sơ riêng: “Hàng mua đang đi đường”.

Trong tháng, nếu hàng về nhập kho, kế toán căn cứ vào phiếu nhập kho và hóa đơn mua hàng ghi sổ trực tiếp vào các Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”, Tài khoản 153 “Công cụ, dụng cụ”, Tài khoản 156 “Hàng hóa”, Tài khoản 158 “Hàng hóa kho bảo thuế”.

Nếu cuối tháng hàng vẫn chưa về thì căn cứ hóa đơn mua hàng ghi vào Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”.

(4)Kế toán phải mở chi tiết để theo dõi hàng mua đang đi đường theo từng chủng loại hàng hóa, vật tư, từng lô hàng, từng hợp đồng kinh tế.

Trình tự hạch toán như sau:

Trong tháng nếu hóa đơn về nhưng hàng chưa về thì kế toán lưu hóa đơn vào tập hồ sơ ‘Hàng mua đang đi đường”. Nếu trong tháng hàng về thì ghi sổ kế toán như bình thường, nhưng cuối tháng mà hàng vẫn chưa về thì kế toán phản ánh:

Nợ TK 151

Nợ TK 133

Có TK 111, 331

#### **Ý kiến 5: Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Để đảm bảo tôn trọng nguyên tắc thận trọng trong kế toán, bù đắp được những thiệt hại xảy ra do vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho bị giảm giá, đồng thời phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán, kế toán xí nghiệp cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Để lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, xí nghiệp dựa vào chuẩn mực kế toán số 02 – Hàng tồn kho

Tài khoản sử dụng: TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có

những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Kết cấu tài khoản 159:**

**Bên Nợ:** Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Bên Có:** Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Số dư bên Có:** Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho có cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

\*Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

\*Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:

-Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có Tk 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

-Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

**Ý kiến 6: Ứng dụng phần mềm kế toán**

Một trong những yêu cầu của công tác kế toán là nhanh chóng, kịp thời, chính xác. Đặc biệt trong nền kinh tế hiện nay, khi khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, việc ứng dụng phần mềm kế toán đã được áp dụng phổ biến trong các doanh nghiệp sản xuất giúp cho kế toán tính toán tổng hợp số liệu, lập các báo cáo kế toán nhanh chóng và có độ chính xác cao. Nhờ đó mà tăng hiệu quả làm việc của



kế toán và giảm bớt việc ghi chép thủ công. Ở xí nghiệp các nghiệp vụ nhập, xuất nguyên vật liệu diễn ra thường xuyên do vậy việc ứng dụng phần mềm kế toán là hết sức cần thiết, tạo điều kiện mở rộng sản xuất cả chiều rộng lẫn chiều sâu đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Phần mềm kế toán có ưu điểm sau:

-Giúp cho việc thu thập, tính toán, xử lý và cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời, chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của các đối tượng sử dụng thông tin.

-Giúp cho công tác lưu trữ, bảo quản dữ liệu, thông tin kế toán thuận lợi và an toàn.

-Tạo điều kiện nâng cao hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát nội bộ.

Chính vì vậy, xí nghiệp nên trình ý kiến lên ban lãnh đạo của Công ty bảo đảm an toàn Hàng Hải để được áp dụng phần mềm kế toán tại xí nghiệp.

**Ý kiến 7:** *Nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ, nhân viên phòng kế toán.*

Để nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường, tận dụng các yếu tố khách quan thì xí nghiệp cũng phải quan tâm đến các vấn đề nhân sự.

Song song với việc quản lý tốt nhân sự thì xí nghiệp cũng phải nên quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên của mình được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

Riêng đối với nhân viên kế toán, xí nghiệp nên:

-Tạo điều kiện cho họ học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Nhân viên kế toán cần tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ, kinh nghiệm, hiểu biết.

-Thường xuyên hướng dẫn, chỉ đạo nhân viên kế toán cập nhật và thực hành kế toán theo đúng chuẩn mực và các thông tư, quy định do nhà nước ban hành về những thay đổi trong hạch toán kế toán để phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

-Thường xuyên động viên, khuyến khích các nhân viên tích cực và có trách nhiệm hơn với công việc của mình, có chế độ thưởng phạt phân minh.

-Các nhân viên kế toán phải thường xuyên trao đổi với nhau để thống nhất trong công việc đồng thời có thể học hỏi kinh nghiệm để thực hiện công việc một cách khoa học và chính xác hơn.

### **3.2.4.Điều kiện thực hiện các giải pháp:**

#### **3.2.4.1.Đối với Nhà nước**

-Xây dựng hệ thống pháp luật rõ ràng, đầy đủ tạo điều kiện cho doanh nghiệp nói chung và xí nghiệp nói riêng hoạt động dễ dàng, hiệu quả, đúng với hành lang pháp lý.

-Trước sự hội nhập của nền kinh tế thị trường, sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài, Nhà nước nên có chính sách ưu đãi như: chính sách về thuế thu nhập, hỗ trợ xí nghiệp trong quá trình huy động vốn.

#### **3.2.4.2.Đối với xí nghiệp**

-Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch tài chính của năm, quản lý và sử dụng hiệu quả vốn, thực hiện tiết kiệm chống lãng phí. Triệt để cắt giảm mọi chi phí không cần thiết, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính. Có các biện pháp tích cực thu hồi công nợ, nắm bắt khả năng thanh toán của các đơn vị khách hàng để ngăn ngừa hiện tượng thất thoát vật tư, tiền vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

-Phấn đấu tìm kiếm những hợp đồng kinh tế mới để đảm bảo công ăn việc làm ổn định, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

-Chủ động chuẩn bị về mặt tài chính để đầu tư vào máy móc, thiết bị, mở rộng quy mô. Tăng cường bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn của công nhân viên đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

-Xây dựng quy chế thưởng phạt nghiêm minh để kích thích người lao động, tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát huy quyền làm chủ của cán bộ công nhân viên, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa xí nghiệp và người lao động.

### **3.2.4.3.Điều kiện khác**

-Địa phương nơi xí nghiệp hoạt động phải tạo điều kiện thuận lợi cho xí nghiệp tiến hành sản xuất kinh doanh.

-Các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp tăng cường giúp đỡ xí nghiệp, hướng dẫn và truyền tải nghị định, thông tư của Bộ tài chính tới xí nghiệp một cách kịp thời để xí nghiệp hoạt động đúng pháp luật.

-Các tổ chức tín dụng hỗ trợ xí nghiệp về mặt tài chính giúp xí nghiệp tiến hành sản xuất kinh doanh hiệu quả.

## ***Kết luận***

Cũng như bao doanh nghiệp khác, xí nghiệp đã luôn không ngừng cố gắng nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguyên vật liệu. Có như vậy mới phù hợp với xu thế của thị trường.

Khóa luận: “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131” đã phản ánh được những vấn đề cơ bản sau:

-Về mặt lý luận: đã nêu được những vấn đề lý luận then chốt, cơ bản của nguyên vật liệu, tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu.

-Về mặt thực tế: đã phản ánh được công tác tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 năm 2008.

Sau khi xem xét, đánh giá, đi sâu nghiên cứu, phân tích em đã mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp.

Do thời gian và trình độ có hạn nên khóa luận của em không tránh khỏi sai sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô và các bạn để khóa luận này được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Ths. Phạm Thị Nga cùng sự giúp đỡ, chỉ bảo của ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên phòng tài chính kế toán xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài viết này.

*Hải Phòng, ngày 12 tháng 6 năm 2009*

*Sinh viên*

*Phạm Thị Minh Ngọc*

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chế độ kế toán Doanh nghiệp – Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản Tài chính năm 2006
2. Chế độ kế toán Doanh nghiệp – Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán – Nhà xuất bản Tài chính năm 2006
3. 16 chuẩn mực kế toán và kế toán tài chính cho Doanh nghiệp – Nhà xuất bản Lao động Xã hội năm 2004
4. Tài liệu sổ sách kế toán Xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131 – Phòng Tài chính Kế toán, Xí nghiệp cơ khí Hàng Hải 131
5. Các bài khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán – Kiểm toán, Thư viện trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

